

SỐ 207 - GIÁ 0\$80

18 JUIN 1944

TRUNG BAC

CHỦ NHẬT

REPRODUCTION
PROHIBITED
A22950

Tuân lệ quốc tế

Trước đây hơn mấy tháng người ta đã chọn một nơi trên dãy A-h, dùng ống gạch cấp ra một sông giả, nài giả, bẫy giả giả giăng rã miền định đầu bộ, rồi bắt các quân lính phải tập mãi cho quen với hình thế này thế đó. Bộ lữ-lệnh đồng-minh đã chọn một sông ở phía cơ Anh, Mỹ đã tiếp tục đi đánh phá các miền bộ bè bắc Pháp và các cơ-quan phòng-hải trong miền đó rất là kịch liệt. Thế rồi nhân một đêm sương mù rền mịt bè các tàu chiến lại có một ham đội lớn họ ập cùng các đoàn phi-cơ ném bom, khu trục và vận tải kéo ang ngàn c phi-cơ liệng không đồng-cơ này đay trên một khoảng đất 80 cây số ở sông trung bộ quân lính đổ bộ trên đất. Trước hết người ta cho ném những nh nhán trong chưa đầy thuốc súng ở bom ống, các hình nhón đó nếu bị bắn hoặc bom ống đất thì ập tức nổ ngay. Sau các hình nh nhón phi-cơ chở đến đầu bộ vào một địa đư các thành phố, các trường bay như Cherbourg, le Havre, Rouen, Caen, Bayeux v.v. . . . Các đại quân ập trên không rồi xuống ném đầu đư c sư-doàn nghĩa là 80 000 người. Các « phi-cơ liệng » dùng để cơ-quan lính rơi khắp đồng nội trong miền này, các phi-cơ này đang rải chất chất có tác dụng phá căn nêi và một chiếc cơ (thiết bị) 120 quân lính mang đủ khí-phô-cu.

Về khí-thời bí-mật, công-hiệu nhất trong
căn đồ bộ này cổ nhiên phải là không-quan,
lưu-lưu người ta thấy dùng thứ tau bag hay
đồng-co lắp bộ sáng bản cực khỏe, và có thể
cắt cánh bay bằng nước liền như thứ
au agire; lại một thứ tau bag lớn không
đồng-co, trong thân tau mang hán một co
xe lạng co người ngồi sẵn sàng, mở một phi-
co kéo chiếc tau ngay hay xuống, bất kỳ chỗ
rộng hẹp, thì thân tau thụt vào, cất ngay
(xem tiếp trang 26)

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XÔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

3.

thư uống nước mắm, nước
chất sẽ rất được.

Tam thì, trong hạn 3 tháng
kể từ ngày công bố nghị định
này, nhà làm nước
mắm được phép dùng dầu in
bàng mực tàu số hiện và tổng
số chất đạm lên trên thùng
nước hiệu đăng ký.

Những điều huyền này thì
hành tại các nơi sản xuất nước
mắm ở Cao-Mên, Nam-kỳ, các
tỉnh Bình-Nghĩa, N-n-điền,
Khánh-hoa, Hậu-Đông và
Lạng-giang tại Trung-kỳ.

tuyên bố các chức o
 cấp trong ngạch mới Thu-y
 Đông-dương, quan Thủy-sư
 Đô- đốc Toan- quyền Đông-
 dương đã ký nghị-định ngày
 24 Mars 1914 định tăng các ô
 Trại

đang mọi thuộc ngạch Đông-
dương (cadre local) sẽ tuyên
trung các người có một trong
trong những văn-bằng này:

a) Bằng Bác-sĩ Thù-y của
các trường Thù-y Alfort, Lyon,
Toulouse hoặc các trường y

đến năm 1960, đã có 100 triệu người sống ở các nước này. Trong số đó, có 50 triệu người sống ở các nước đang phát triển. Đây là một thực tế đáng chú ý, cho thấy sự phát triển nhanh chóng của các nước này trong những thập kỷ qua.

Đoàn này bao gồm một Ecole Vétérinaire de l'Indochine). Các bác-sỹ Thủ-y kể trong khoản trên (a) sẽ bắt buộc phải học thêm hai tháng tại viện Pasteur (Nhatrang); hai tháng ở các bệnh

hạn tập sự.

Các ông thủ-y Đông-dương mới-sẽ ăn lương và phụ-cấp ngạch Đông-dương như các ngạch kỹ-sư Đông-dương hoặc biên-lập-viên Đông-dương.

Chức

trưng b

cảnh d

Các h

lĩnh c

Đông,

...học và ...
...tốt học là 6.200p00.
...anh huân
...tôn giáo r

Các phụ-cấp khu vực và gia-
đình sẽ tính riêng theo nghị-
định ngày 31-5-43,

Sự thăng trầm sẽ do cách lựa
chọn theo tài năng (au choix),
chứ không theo diện hạn tam
việc (ancienneté).

Các viên chức cao cấp đó có thể được bổ làm chuyên thu-y ở vùng khu - vực (vétérinaire chef de secteur) coi 3, 4 tỉnh, hoặc được bổ làm chuyên các công tác nghiên cứu thu-y.

Gaudin họ 2 từ tiếng
 2 Madagascar (Paris) đã m
 từ (trên) của (các) ph
 3 họ 1 Việt-Nam ở Pa
 4 ao Ban, Mai-Tun và L
 5. Từ từ là khai mạc c
 6 của 2 Odera al, đại di
 7 từ (trên) của (các) ph
 8 thuộc địa, của (các)
 9 ao Phan-jung al (Mada
 10 ger, Blanchard de la Brosse
 11 Gaudin nam Tonn-quy
 12 địa và ông Musselot.

một số nhà phân tích
người in có thể hiểu rõ
thế của 3 học-sĩ người
cuba tốt nghiệp trường
Hanoi do ông Victor
saang lập năm 1975

3 học sĩ, người
40 tuổi. Học sĩ Mai
Pháp từ 1937, năm
38 tuổi. Lê Hồ cũng
áp năm 1937 và năm
47 tuổi. Còn học sĩ Vũ
sang Pháp từ 1931 và
đến bên đó.

riên. Năm này chỉ
chúng bực họa về
sống Đông-dương.
năm của Mai-Tan có
họa toàn phương
họa-lí Lê-Phổ cứu
của Tây phương và
nhân.

đền linh-như trên-tranh đều phải nhậ
trận đại-chiến trên đất Pháp ngày nay
trận quyết-lệ nhất giữa quan Trục và quân
đồng-minh trong cuộc chiến-tranh này. Trận
đại chiến đó đã bắt đầu từ sáng 6 Juin bằng
cước đi bộ của quân Anh, Mỹ ở miền bờ
xà Normandie trong quãng từ hải-cảng Cher-
bourg đến hải-cảng le Havre la một miền bờ
bề bằng phẳng để đổ bộ lên gần Paris hơn cả
nhưng cũng là một miền phòng thủ rất thận
nhật. Anh, Mỹ đã huy động một lực-lượng
rất lớn-lao' trước đến nay chưa hề thấy
có: 4000 an chiến và tàu vận-lái cùng có số
lưu nhệ khác để chở quan lính, 11.000 phi-cơ.
Còn bộ binh do lính (hầu và phi cơ chở đến
thì mỗi ngày một tăng thêm hơn sáu đến 8 sư
đoàn, hôm thứ sáu đã 16 sư đoàn và số quân
mới đi-ương Eisenhower ở dưới quyền mình
tới cả tới 80 sư-đoàn. Cuộc phòng-thù của Đức
ở Tây Âu cũng rất ghe-gom, trước khi quân
đồng-minh đổ bộ các báo và các đài vô tuyến
điện đã luôn luôn nói đến cho đó là những
cu-quan phòng-thù đặc biệt trên thế-giới.
Người ta thường gọi các cu-quan phòng thủ
do là Đức ở thành Âu-châu. Các cu-quan do
kéo dài từ bờ biển đến nội địa hàng mấy
nhục cây số. Một nhà báo Đức đã gọi đó là
"rừng măng" của Thống-chế Rommel vô
khấp miền bờ biển Pháp đến lếm chạm những
cọc sắt có giằng thép gai dằng với nhau, cứ
một đoạn lại có một ụ đại bác, một ụ súng
cơ may, khắp các cửa miền này đều "chôn đầy
địa lôi phọc. Số quân của Đức ở Tây Âu theo
tính Anh thì có độ 45 sư-đoàn ngoài ra lại có
50 sư đoàn quân trừ bị để dùng ở mọi trận này.
Ta lại nên biết rằng Anh, Mỹ đã đổ bị
cước hành binh lên lao này từ lâu. Ngày
thứ 1 tháng Churchill đã báo tin về cuộc đi
bộ lên Tây Âu từ thị tháng trước đây. Thế
những tin gần đây thì quân Đồng-minh đã
luyện tập về cuộc đổ bộ rất là đông tạp n

Có một đồng bạc mà muốn là
lương-thiện thì chỉ có cách là: MU

NHÌN QUA VĂN-CHƯƠNG NG TÀI BA-MU'O'I NĂM GẦN ĐÂY

TRÚC-ĐÌNH thuật

Trải 30 năm nay, sự mở-mang về văn-chương Tàu có thể gọi là câu-chuyện kỳ-di. Văn-thể bị cải-cách nhiều, lối viết « văn lý » và « bát-cổ » của trên dưới 3.000 năm bị đánh đổ. Một phương-pháp và dịch-thuật ra đời. Rồi tới hoa thơm cả của thơ, văn mới được phần-thịnh trong buổi tân-xuân của thời-dại này. Sự thay-đổi mau chóng, hoàn-toàn ấy đã thực-hiện trong một đời người!

Ta nên nhận rằng trong thời-gian đó, tư-tưởng về văn-chương Tàu đã sôi-nổi, vượt bao-nhiều bậc thang để theo cho kịp làn sóng tư-tưởng mới — câu chuyện lý-thủ và độc-nhất vô-nhi, kỹ-thuật ra đây và có kho-khẩn dĩ-nghĩa thì cũng đáng.

Văn-chương cách-mệnh

Cuộc cách-mệnh này còn quan-trọng gấp mấy những cuộc cách-mệnh khác về chánh-trị. Dụng cơ khởi nghĩa từ 1917, văn-chương đã theo gót cuộc cách-mệnh chánh-trị năm 1911 — Người đứng đầu là giáo sư Hồ-Thích — hiện làm sứ-thần tại Mỹ — có hai tay cò-khởi giúp sức, Trần-độc-Tử và Tiểu-huyền-Đông, dùng tạp-chí Tân thanh niên làm cơ-quan cổ-động.

Bản tuyên-gôn là một sự công-kích táo-bạo rồi dùng văn theo thể cũ. Họ lấy có rằng « văn lý » đọc lên chẳng ai hiểu nổi, thể mà bây-giờ khắp nơi — cả đến Thổ-nhĩ-kỳ là nước bế quan tỏa cảng nhất — đều dùng ngay tiếng nói hàng ngày làm thứ văn-tự giao-thông giữa người trong một nước. Họ tuyên-bố văn-lý đã chết rồi, chẳng còn dùng làm gì được nữa, như hai thứ tiếng cổ La, Hi, mà tiếng mới hàng ngày mới là « văn-tự sống », hợp bằng những ngôn-ngữ từng giờ từng phút đặt ra giữa muôn ngàn cảnh-ngộ. Ta chẳng có lý gì rườm rà cái văn sống hàng ngày với ta để khu-khu giữ cái văn

chết từ bao rồi, nó đã thành cổ-vật — Họ công-nhận văn « bạch-thoại » (nói thường) ai cũng hiểu, còn « văn lý » thì rất ít kẻ hiểu, vậy không cần phải chối-cãi sự lấy bạch-thoại làm khuôn-mẫu.

Phương-pháp của phe Hồ-Thích làm phổ-thông « bạch-thoại » rất hiệu-nghiêm. Vừa nói vừa làm. Họ tin rằng sự « làm gương » vẫn dễ cho người theo, nên họ hăm-hở mở đầu cái phong-trào ấy bằng cách thảo ra muôn ngàn bài bằng văn bạch-thoại. Rút cục, hai năm rở mười ai cũng nhận rằng, bất kỳ lối văn nào, thi-ca hay tản-văn, bạch-thoại cũng có thể diễn-lĩa được.

Toàn-thể học-sinh và giáo-giới đều theo phong-trào đó, nhiệt-tâm làm việc không thôi. Trong có vài năm, ta thấy mở ra 400 tờ tạp-chí toàn viết « bạch-thoại ». Tới 1921, phong-trào không còn sức nào chống-đương, đến nỗi cái thành-quách cuối cùng của « văn lý » là tờ Tiểu thuyết nguyệt báo cũng mấy tờ tạp-chí khác của Thương vụ ấn thư quán cũng phải nhập bọn, thành ra từ đó, độc-giả phải đọc văn bạch-thoại, mặc dầu ưa hay ghét. Bảy năm sau — 1928 — đến lượt chánh-phủ phải theo, thành ra trong các trường-học đều dùng văn bạch-thoại rạo — Thế là phong-trào đã thắng-trận hoàn-toàn.

Dịch thuật

Xét ngược lại thì ta nhận thấy rằng sự thành-công đầu-tiên của phong-trào này chính ở như khu vực dịch thuật — Ở đây thì rõ-rệt dùng « văn nói thường » vẫn hơn, cho nên phong-trào nổi lên trong 5 năm đầu, thiên-hạ đều hết sức làm việc đó. « Nhà máy chính » về công-cuộc ấy là văn học nghiên-cứu hội, do các sinh-viên ở Anh Mỹ trở về hay những người giỏi Anh-văn, lập nên từ 1920. Họ chuyên

dịch các sách hiện-dại, thịnh-thoảng mới thấy các văn-gia cổ-diễn. Họ làm như vậy để mở rộng kiến thức của độc-gã người Tàu, nhờ vào đó mà hiểu văn về văn-phẩm của thế-giới ngày nay.

Về nghệ-thuật, thì phương-pháp dịch-thuật nhờ có Lỗ Tấn và Châu tác Nhân mà luyện nên một ngữ-thể mới, gọi là ngữ-thể Âu-huá, thích-hợp cho sự diễn tả nguyên-văn Âu Tây hơn — Sách dịch thì từ các nước lớn đến các nước nhỏ như gì cũng có, nhiều nhất là sách Nga. Mà chính lại do các sinh-viên ở Anh Mỹ về. Văn-hào Nga Ivan Tomgenyev là người được dịch nhiều nhất, mặc dầu ông ta chẳng viết nửa tiếng Áng-lê. Tính ra thì có tới 700 người dịch-thuật, nổi danh nhất là Ngũ quang Kiển và Quách mạt Nhữc đều có công dịch nhiều sách Anh văn hết sức tìm-tòi tiếng dịch cho đúng. Công của họ Quách về việc dịch danh-văn như cuốn Faust, Le livre de la Jungle, La guerre et la paix thực đáng ghi sử xanh. Tới đây, ta nên nhắc công của Lý thanh Nhai về dịch toàn-bộ Guy de Maupassant làm cho người Pháp được danh dự đứng thứ-nhì trong hàng các nước có văn dịch ra bạch-thoại, sau nước Nga. Đến 1935 theo bin thống-kê của Sinh hoạt thư-diễn, thì tình hình dịch-thuật như sau này:

Tên nước	Tiêu-thuyết	Thi-ca	Kịch	Luận-văn	Tổng số	Phần số
Nga	135	4	23	7	169	27,5%
Pháp	93	7	32	6	138	18,5%
Anh	61	15	32	8	116	15,7%
Nhật	52	0	18	4	74	10,1%
Mỹ	58	3	6	4	69	9,1%
Đức	25	3	23	2	53	7,1%
Các nước khác	90	7	28	8	133	18,1%
Cộng	611	39	162	39	751	100%

Có lắm cuốn được dịch ra mấy lần. Chung-quĩ thì có 13 cuốn dịch 3 lần, 61 cuốn dịch 2 lần, cuốn Chemin du R tour của E. M. Remarque (nhà văn-ĩ Đức để nổi tiếng về cuốn tiểu-thuyết chiến-tranh « A l'ouest rien de nouveau », đem chiến ra phim-ảnh) được dịch những 4 lần.

Ta lấy làm lạ sao văn-sĩ Nga lại được hoan-ngênh lắm vậy, như Tourguéniev có 22 cuốn, Gorki cũng vậy và Tolstoi 15. Nước Pháp đứng hàng nhì, có Maupassant 17 cuốn, A. France 9 cuốn, V. Hugo 8 cuốn.

Sách sáng-tác

Những nhà cổ-động chẳng muốn chịu phận lép vế củi di dịch-thuật, họ phải ra công sáng-tác, ngộ-hầu cũng « môn ăn tinh-thần » cho quốc-dân. Những sách viết ra phen-nhiều đều vì một mục đích tự trung cũng có vài cuốn viết để cung sự thích của công-chúng — Năm năm đầu (1917-1922) sự làm sách có điều thưa-thớt, mỗi tháng được chừng 5, 6 cuốn, mãi về sau có một nhóm do 1 học-sinh từ Nhật về lập ra hội-văn mệnh danh là Sáng tạo xã. Họ là những thanh-niên háng-hái, thanh-niên đồng-ruộng chí-phách siêng làm nên đã giúp cho rạo-lưu viết sách ngày một bùng-bột — Trái hẳn với thời-kỳ « ru-ngủ » của họ « Cso-sĩ mặc áo vàng » — Theo như Trung-quốc riêng-thư, trong 3 năm 1934, 1935 và 1936 đã lần lượt xuất-bản 575, 326 và 677 cuốn — Từ 1937 trở đi, cuộc đời đầu tiên, các văn-gia đều thiên vào nội-dia thành ra nội-tâm-hoạt về sách vở, nhưng dù sao ta cũng hiểu rằng sách in ra bớt đi nhiều lắm.

Khởi-sự, thì sách về chỉ-chuyên về đầu-đề ái-tình và hôn-nhân, của tu-đo ái-tình đối hôn-nhân bỏ-bước — Sau nữa, lại đến đầu-đề kẻ nghèo, văn-chương của phải vô-sân được hưởng thịnh-danh một thời.

Như thế cho mãi đến 1929 là ngày «Sáng tạo xã» đóng cửa — Từ sau năm 1931, Lâm ngữ Đường nhập-cảng một thư văn hải-hước trong tập-chí mệnh-danh là Luận-ngữ, tập theo khuôn-khổ và thể-tài của tờ Le PUNCH của Anh hay Le RIRE của Pháp. Sau thời đó, ở chân-trời của văn-giới thấy xuất-hiện ra thư văn lấy đầu đề là chiến-tranh và dân-tộc tự-quyết — Thế là toàn-thể phái tri-thức thấy đứng-được nước Tàu trải qua một thời-kỳ nhiều loạn không ngừng, cho đến khi chiến-hòa xâm đến, phứt tất cả cả mọi trao-lưu.

Thi ca

Cũng như phong-trào thơ mới ở bên tây các con cháu Đỗ Phủ, Bạch cư Di theo chân Hồ Thích để phá tung những luật-lệ nghiêm khắc của Đường-luật. Thơ mới có-nhiên dùng những tiếng nói thường, và trong khi diễn-lập các tình-cảm, họ theo tất cả các thể thơ cổ-tân của ngoại-quốc.

Nhắc lại, thì chính Hồ Thích đem việc làm đi theo lời nói, thực-hành theo thuyết-lý, «khai đạo tế cơ» bằng cuốn «Thường-thi tập», viết từ 1916 tới 1920, nhưng vẫn còn dư-hưởng của văn cũ. Sau Hồ, có Khang bạch Tinh hồi đó mới là học-sinh trường Bắc-kinh đại-học. Tập thơ mới đề Thản-nhi tập, hay hơn Thường thì tập nhiều, định trước quốc-dân cái giá-trị vô-ngần của tiếng nói thường. Sau nữa, có Từ-chí Ma, tiến sĩ xuất-thân ở trường Đại-học Oxford, cho ra đời một cuốn thơ nhan-đề kỷ-dị: «Mãnh hổ tập», tuy là thơ-mới nhưng lời lời

Hãy im đi những kẻ ích kỷ, những kẻ lười biếng, những kẻ chầy chểnh

như hoa tựa gấm, được làng thơ tán-lộng, ngâm đọc mỗi chỗ chốn. Gà tức nhau tiếng gáy, sau Từ-chí-Ma tới Quách-mat-Nhược, một y-khoa bác-sĩ ở Nhật về. Quách ra hai cuốn thơ «nữ-thần» và «Tinh-không» (Sao trên trời) đầy-rẫy, nồng-nàn những thi-tử, cảm tình. Một nhà thơ khác, khoác tên hiệu là Bạch-Thái (Rau cải) đã chọn một con đường lạ trong tập thơ trường-thiên, mệnh-danh «Luy-lật giả dịch ai» (Tình yêu của một người (àn-tát), vừa là thơ mới, vừa là bài giải-phẫu tâm-lý của một khối óc kỷ-dị. Có Hạ, hiệu Băng-Tâm đã viết nhiều bài thơ ngắn về lòng mẹ, con đường tự nhiên và tuổi thơ ngày — Nữ-sĩ có đặc tài biến-hóa về thường ra về đẹp, thơ đọc lên thấy mát mẻ như băng như tuyết.

Cái đặc-sắc của thơ Tàu là nhiều ý, ít lời. Thơ dù viết có vài dòng, nhưng lời hết mà ý vẫn-vương.

Tiểu-thuyết và báo-chí

Thời đó sản-xuất nhất là tiểu-thuyết, đoản-thiên và tạp-kịch. Năm 1918, Lỗ-Tấn mở đầu bằng cuốn truyện «Cuồng-nhân nhật-ký» — Sau đó, Lỗ viết rất nhiều công hơn 20 cuốn nhưng xuất sắc nhất là Nạp-Hám (Tiếng kêu) và Băng-hoàng — Cuốn Nạp-hám là gồm mấy đoản-thiên tiểu-thuyết, trong đó có Á Q. chính truyện đã từng

được dịch ra Anh-văn, Văn Lỗ-Tấn vui thăm, lại thêm ý chua-chát riêu đời. Cuốn Tự-truyện của Lỗ cũng được dịch ra tiếng Anh. Nổi gót Lỗ-Tấn có Trương-tu Bình viết tiểu-thuyết nói về hôn-nhân, về tình yêu tam-giác hay chữ-nhật (1). Tiểu-thuyết chỉ là tác-phẩm viết cho một thời, nào có phải là của lưu - truyền đời sau. Những đồng-thời với Trương-tu Bình, có Úc-dạt Phu, trong mấy cuốn văn nổi tiếng như Trầm-luận, Ke-cán tập (lập gần gầy) và Hàn thán tập (tập than lạnh), tác-giả đem thân thể mình mà nói, trắng ra, nghèo-nạn, cùng-khổ, cuộc đời trăm-khoanh tứ đóm, khiến cho độc-giá phải động lòng. Tác-giả chẳng ngại mình cười mình, đem chăm-biêm đề tả nỗi đời khắt-khe.

Cùng thời, có Hồng-linh Phỉ dùng lối văn nói chuyện, mà là thể-âm Quảng-Đông chứ không phải quan-thoại. Mấy nhà văn khác cũng nổi gót Hồng mà dùng các thể-âm khác. Trầm-tuân Văn tả những nỗi trái ngược của lòng người, Mục-thời Anh kể câu chuyện mộc-mạc giữa mấy bác nhà quê và thêm «vào đây những «hình sắc hàng xù». Có Lư-Ân bạo tay tả đời sống của trại có chồng gái có vợ, Có Đình-Linh trải lại, thì tả đời của gái chưa chồng. Tập

chí Khôi-hải của Lâm-ngọc Đường (2) đã làm vui cho công-chúng, còn Trâu-thao-phân với tạp-chí Sinh-hoạt đã bước lòng âu-yếm ái-mộ của giới học-sinh. Quách-mat-nhược phác một bức ảnh tình-dòng làm-nước năm đầu của văn-xã Sáng-tạo.

Có Tạ-bằng Oanh cho ra đời cuốn Tổng quan nhất-kỷ thì phứt chắt đã lòng danh, và tác-phẩm được dịch ra tiếng Anh — Tiểu-thuyết của Mau-Thuân — dịch ra tiếng Đức và của Bu Kim đều có vẻ dài hơi, trải lại văn của Thiệp-tuân Mỹ và của mấy nhà văn trong Tân-nguyệt xã thì hao giờ cũng ngắn. Năm 1940, Phạm-trường Giang có viết một thiên phóng-sự «Tài-thượng-hành» (cuộc du-lịch ở miền biên thùy) rất được hoan nghênh, cuốn Gia của Ba-Kim thịnh hành nhất Trung-quốc nhưng thực ra thì chẳng có mấy giá trị.

Kịch

Số vở các văn-thể khác xuất-sản ba-mươi năm nay, thì văn-kịch chẳng có, nhiều, có lẽ vì công chúng không hưởng ứng mấy, nhưng các nhà soạn kịch cũng có chỗ đáng trách là không đủ tài để đề «tạo ra một thể». Mãi tới 1935, thì kịch có 252 vở, 74 vở sáng-tác và 178 vở dịch-thuật. Trong hàng kịch-gia ngoại-quốc thì chẳng ai được thịnh hành như Ibsen —, rồi tới Bernard Shaw (Anh), Oscar Wilde (Mỹ), Maeterlinck (Bỉ hay Pháp).

Ta chẳng quên ghi công hai nhà soạn kịch nhiệt-liệt, là Diêu-Hau và Hồng- (xem tiếp (trang 94)

(1) Đó là dịch Anh-văn: «triangular love, rectangular love» chỉ tình yêu giữa 3 hay 4 người.

(2) tức là Lữ-Xu-Tanh, tác-giả cuốn Le Chinois et les chinois, dịch ra Pháp-văn (Reyat xuất-bản).

ĐÃ CÓ BẢN:

VƯƠNG ĐƯƠNG MINH

của Phan văn Hùm

Một quyển sách quý trọng, «Tủ sách triết-học» — Tác-Việt — Một tác phẩm vĩ đại trong văn-học-giới — Một thiên khảo-cứu gồm thần-thể và ho-thuyết Vương-Đương-Minh mà cả thế kỷ phụ-chức tư-xã-tiền-nay-khắp thế-giới chưa có quyển nào tinh-thường hơn. Sách dày 1.000 trang — khổ 16cm — có 3 bức địa đồ và 10.000 chữ Hán. Giá 11.000 5.000 (Vị-giấy-khẩn bản chỉ in có 600 quyển)

Giá 18.000

TÂN VIỆT — 29 LAMBLÔT HÀ NỘI

Đại-Học Chu Xá

N° 131 Henri d'Orléans — Hanoi
Giám-đoc: LÊ-MỘT-G-CÁU

ĐÃ CÓ BẢN:

MỀ TÔI

tiểu-thuyết của Nguyễn-khắc-MÂN
Giá 3p80

ĐẠI-HỌC THƯ-XÁ RA TOÀN NHỮNG SÁCH CÓ ÍCH CHO NHẬN-SINH

Sắp có bản:
VÀI TÁC PHẨM VIỆT-NAM
DƯỚI MẮT I NGƯỜI BẮC HÀ

Một phương pháp phê bình mới lạ. Một tinh thần mới lạ. Một cây viết danh-thếp. Cần cứu vào duy vật lịch sử, những phác thảo nghiên cứu về vấn đề phụ nữ trên thực-trạng xã-hội Việt-Nam

SẼ CÓ BẢN:

KHÔNG-HỌC

và ông ĐÀO DUY ANH

nguyên cứu của

Ng. uyên DIỄM

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn xuân HUY

khảo luận về tâm lý văn học hiện đại

ĐÀ CÓ HỒI LỰC-QUÂN NƯỚC TA GỒM TỚI TRIỆU NGƯỜI?

(Tiếp theo)

Cách tổ-chức quân đội Việt-nam dưới triều Lê

Lê-thái-tổ là một ông vua khai quốc đã từng đánh nhau với quân nhà Minh trong hơn 10 năm. Từ từ nhiên là ngài rất chú ý đến việc tổ bị. Sau khi lên ngôi, năm 1428, ngài chia nước về mặt quân bị làm tám đạo (corps d'armée), mỗi đạo (quân) gồm có nhiều lữ. Mỗi đạo chia thành vệ (régiment) Đứng chỉ huy một vệ là chức tổng-quân hoặc đại-tá (colonel) có một viên đô-tổng-quân và một viên đồng-tổng-quân giúp việc. Các vệ-quan ngạch dưới thì có các viên đội-trưởng đứng đầu một vệ và các viên ngũ-trưởng (chánh, phó ngũ trưởng). Theo Việt-sử thông-giám (cuong-mục). Đến năm 1468, dưới đời Lê-hành-tôn là một đời thịnh-trị nhất cả về văn-tự vũ-công của nhà Lê thì cách tổ-chức quân-đội có hơi đổi khác. Các đạo quân vẫn chia làm năm nhưng đổi gọi là « phủ », mỗi phủ gồm nhiều tỉnh. Mỗi phủ chia làm 6 vệ và mỗi vệ chia làm sáu sở, mỗi sở gồm có 400 người. Các phủ trong nước là Trung, Nam, Tây, Bắc quân phủ. Chỉ huy mỗi phủ là một viên đô-đốc, có tá, hữu đô-đốc, mỗi viên có các viên đô-đốc đồng tá và đô-đốc thêm-sự giúp việc các chức trên này cũng ngang với chức đại-trưởng, trung-trưởng, tiểu-trưởng ngày nay. Đứng đầu mỗi vệ là một viên tổng-tư ngang hàng với đại-tá, có một viên đồng-tổng-tư và một viên thêm-tổng-tư giúp việc. Đứng đầu mỗi sở là các viên chánh-phó quân lữ, cũng như chức thiếu-tá và các viên chánh-phó vệ úy cũng như các viên trung-úy, thiếu úy. Dưới cùng là các viên tổng-cơ đứng đầu các ngũ. Ngoài ra lại có thân-thầy-cuộc tức là đội quân riêng của nhà vua do một viên đô-tư và các viên chánh, phó-giam chỉ huy. Năm sau 1467, thì cách tổ-chức quân-đội lại đổi lần nữa nhưng các vệ-quan vẫn để nguyên.

Cách tổ-chức quân-đội này còn mãi đến cuối đời Lê. Khi các chúa Trịnh cầm quyền

ở Bắc-kỳ cũng vẫn theo cách tổ-chức đó và dùng cả các chức võ-quan chỉ huy đội chủ lực. Về hai thế kỷ 17 và 18 các chúa Nguyễn hùng cứ ở Nam-bà cũng rất chú ý đến việc tổ chức quân-đội. Lê độ rất tự nhiên vì các chúa Nguyễn từ chúa Nguyễn Hoàng đến Võ-Vương, đời nào cũng luôn luôn bận về việc binh bị. Phía Bắc thì đánh nhau với quân Trịnh từ 1620 đến 1672 mới đình chiến trong khoảng hơn trăm năm, còn phía Nam thì các chúa Nguyễn chăm lo việc mở mang bờ cõi bằng cách lần lần chiếm thành và Châu-lạp. Trong tâm vị chúa Nguyễn thì chúa Hiền là vị có tinh thần thượng-võ, lại cau diêm và giỏi về phép dụng binh nhất. Dưới đời Hiền-vương, quân lực chúa Nguyễn khá mạnh nên ba hằng quân Trịnh mới cách đi rết (1655-1661, 1661-1662 và 1672), có lần đã chiếm được một phần tỉnh Nghệ-an của Trịnh. Theo sách Thực lục tiền biên thì hồi tháng ba năm 1653, chúa Hiền trước khi dự định đánh Trịnh đã duyệt đội quân của mình tại làng An-cự gần kinh-đô Thuận-hóa (hồi đó ở Kim-long). Quân-đội chúa Nguyễn hồi này gồm có cơ Trung-hầu, 10 thuyền, 300 người, các cơ nội thủy gồm 60 đội hay là thuyền, 3.280 người, hai cơ tả trung và hữu trung mỗi cơ 14 thuyền và hơn 700 quân, các cơ nội thủy gồm 58 thuyền và 6.410 người, có tả trung kiến 12 thuyền 600 người, có hữu trung kiến 10 thuyền 500 người, hai cơ tả trung bộ và hữu trung bộ mỗi cơ 10 thuyền 450 người, cơ tiền trung bộ, 12 đội, mỗi đội 5 thuyền tất cả 2700 người, bốn cơ tả đực, hữu đực, tiền đực, hậu đực mỗi cơ 5 thuyền tất cả 1.100 người, bốn đội tả thủy, hữu thủy, tiền thủy, hậu thủy mỗi đội 5 thuyền và 2090 người, 8 cơ tả nội bộ, hữu nội bộ, tiền nội bộ, hậu nội bộ, tả súng, hữu súng, tiền súng, hậu súng mỗi cơ 6 thuyền tất cả 2.100 người, dinh tả bộ, 10 thuyền, tất cả 450 người, bốn đội tiền, hậu, tả, hữu binh, mỗi đội 4 thuyền và 200 người, cơ tả thủy, 5 thuyền hơn 200 người. Xem trên đây thì ta thấy cơ (régiment)

có khi chia thành thành (thuyền (section)), có khi lại chia thành đội (compagnie) rồi đội lại chia thành thuyền. Có cơ nhiều thuyền, có cơ ít thuyền không nhất định, lại có cơ như cơ tiền trung bộ gồm tới 60 thuyền, số lính trong mỗi cơ cũng không nhất định có khi 200, 300, 400, 500, 600 có khi lại gồm tới 2.700 người. Tất cả quân đội duyệt hồi đó có độ 22.700 người. Nhưng cũng có hồi như cuối đời Hiền-vương (1672), quân-đội chúa Nguyễn có tới 160.000 người lại còn một thêm 100.000 nữa để chống với quân Trịnh đông tới 180.000 hoặc hơn nữa.

Lực-lượng của chúa Trịnh và chúa Nguyễn hồi Nam Bắc phân tranh

Muốn biết rõ lực lượng của chúa Trịnh và chúa Nguyễn trong hồi Nam Bắc phân tranh nghĩa là trong hơn 50 năm từ 1620 đến 1672 thì không những phải đi đến các sách sử của ta, ta còn có thể xem trong những tập kỷ sự của các người Âu-châu đến nước ta trong hồi đó, những tài-liệu sau này rất có thể tin được và phần nhiều đều đúng với tài-liệu trong các cuốn chính sử của ta. Ta hãy nghe, giáo-sĩ Alexandre de Rhodes ta các chiến-thuyền và lực-quân của chúa Trịnh-Trang đem đi đánh Nguyễn: « Trước hết, ta thấy 200 chiến-thuyền đóng rất có mỹ-thuật, và sơn màu sắc sặc sỡ đi trước các thuyền đem ngư. Các thuyền đó chở nhiều cơ lữ. Trên tay của đoàn chiến-thuyền trong khi đi n đi đến làm cho người ta khiếp sợ, đồng thời lại biến ta một cảnh ngoạn-mục. Rồi đến 24 chiếc thuyền lớn chở đội quân bản bộ của nhà vua. Các thuyền này khác thuyền khác là sơn màu vàng chói lọi hơn, bươm bươm vài tốt hơn và giây cũng bằng tơ màu đỏ. Giữa đoàn thuyền đó là thuyền vua ngự. Vì chúng tôi đi theo quân đội trong ít lâu nên tôi có thể biết rõ lực-lượng của chúa Bắc-bà. Những thuyền đi sau thuyền ngự còn nhiều hơn đoàn đi tiền phong. Còn những hàng thuyền lớn, nhỏ để vận tải thì nhiều và kẻ. Có tới 500 thuyền lớn chở lương thực của thủy quân và cả của lực-quân nữa ». Chả de Rhodes còn nói rõ thêm rằng chúa Trịnh-Trang có tới 600 chiến-thuyền và chiến-thuyền của Việt-nam hồi

đó to hơn cả các chiến-thuyền Âu-châu mà cha de Rhodes đã trông thấy ở hải cảng Gê-nê và hải-cảng Marseille. Mỗi chiến-thuyền có ba khẩu đại-bác, một ở đằng mũi hai ở đằng lái. Mỗi bên có 25 mái chèo. Ngoài ra lại có một số quân lính ở trên thuyền giữ việc chiến đấu. Nói tóm lại thì tổ-lực và khí giới của các chiến-thuyền Việt-nam trong hồi đó có thể làm cho cả các chiến-thuyền Âu-châu cũng phải sợ, theo lời giáo sĩ de Rhodes (1).

Lực-quân tiến theo một con đường khác và gồm có độ 120.000 người, số quân-lập cả lực và thủy quân có thể lên tới 200.000 người. Trịnh-Trang đã cho gọi hết các tráng-dân trong nước có thể ra lính được tính để dẹp kẻ địch ngay trận đầu. Lúc thuyền thì quân đội Bắc-bà chỉ gồm có độ 50.000 người tuyên trong cả: lính miền Nam còn trong thành với vua Lê trong khi họ Mạc chiếm vị. Chỉ khi nào có chiến-tranh mới dùng đến lính mộ ở các tỉnh miền trung-châu Bắc-ý.

Một giáo-sĩ giống Tera khác, cha Tisanier ở Bắc-bà vào năm 1663 có viết một tập kỷ-sự thuật lại rằng đội quân thường-trục của nhà vua gồm tới 50.000 người. Giáo-sĩ còn nói rằng số quân đóng ở biên-giới Nam-kỳ có tới 60.000 người. Trong quân-đội nhà vua còn dùng 600 tốt voi và về thủy bộ thì có 500 chiến thuyền phần nhiều đều sơn và thiếp vàng rất đẹp.

Lại theo lời một thương-gia Pháp ở xứ An-hội đó thì năm 1643 chúa Trịnh đã dùng một đội quân khá lớn gồm 8.000 ngựa chiến còn bao nhiêu thì để chờ hành-lý nhà vua, ngoài ra về thủy-binh lại có 310 chiến-thuyền và thuyền vận-tải dài và hẹp vừa chạy bằng buồm vừa chạy bằng mái chèo.

Cuốn sách « lịch-sử xứ Bắc » của giáo-sĩ de Rhodes còn cho ta biết về lực-lượng của chúa Nguyễn hồi đó nữa. Theo giáo-sĩ thì chúa Nguyễn có độ 200 chiến-thuyền nhưng không biết đem cả để đi đánh quân Trịnh vì còn phải để lại một phần ở Quảng-nam và ở biên-giới Chiêm-hành là nước văn

(1) Trong một trận thủy-chiến năm 1644, ở ngoài khơi cửa sông Huế, chiến-thuyền của Nguyễn đã đánh 3 chiến-thuyền lớn của Hailan.

ĐÀ CỎ HỒI LỤC-QUÂN NỮ-ÓC TA GỒM TỚI 1 TRIỆU NGƯỜI?

(Tiếp theo)

Cách tổ-chức quân đội Việt-nam dưới triều Lê

Lê-thái-tổ là một ông vua khai quốc đã từng đánh nhau với quân nhà Minh trong hơn 10 năm, lễ tự nhiên là ngài rất chú ý đến việc võ bị. Sau khi lên ngôi, năm 1428, ngài chia nước về mặt quân bị làm tám đạo (corps d'armée), mỗi đạo (quân) gồm có nhiều lnh. Mỗi đạo chia thành vệ (régiment). Đứng chỉ huy một vệ là chức tổng-quân hoặc đại-tá (colonel) có một viên đô tổng-quân và một viên đồng tổng-quân giúp việc. Các võ-quan ngạch dưới thì có các viên đội-trưởng đứng đầu một cơ và các viên ngũ-trưởng (chánh, phó ngũ trưởng). Theo Việt-sử thông-giám cương-mục. Đến năm 1466, dưới đời Lê-hành-tôn là một đời thịnh-trị nhất cả về văn-tự vũ-công của nhà Lê thì cách tổ-chức quân-đội có hơi đổi khác. Các đạo quân vẫn chia làm năm nhưng đổi gọi là « phủ », mỗi phủ gồm nhiều lnh. Mỗi phủ chia làm 6 vệ và mỗi vệ chia làm sáu sở, mỗi sở gồm có 400 người. Các phủ trong nước là Trang, Nam, Tây, Bắc quân phủ. Chỉ huy mỗi phủ là một viên đô-đốc, có tá, hữu đô đốc, mỗi viên có các viên đô-đốc đồng tá và đô-đốc tham-sự giúp việc các chức trên nay cũng ngang với chức đại-trưởng, trung-lương, thiếu-tướng ngày nay. Đứng đầu mỗi vệ là một viên tổng-tu ngang hàng với đại-tá, có một viên đồng tổng-tu và một viên tham tổng-tu giúp việc. Đứng đầu mỗi sở là các viên chánh phó quân lnh, cũng như chức thiếu-tá và các viên chánh phó vệ cũng như các viên trung-ủy, thiếu ủy. Dưới cùng là các viên tổng-cơ đứng đầu các ngũ. Ngoài ra lại có thân-thự-cước tiến là đội quân riêng của nhà vua do một viên đô-tu và các viên chánh, phó-giam chỉ huy. Năm sau 1467, thì cách tổ-chức quân-đội lại đổi lần nữa nhưng các võ-quan vẫn lệ cũ.

Cách tổ-chức quân-đội này còn mãi đến cuối đời Lê. Khi các chúa Trịnh cầm quyền

ở Bắc-kỳ cũng vẫn theo cách tổ-chức đó và dùng cả các chức võ-quan chỉ thay đổi chút ít. Về hai thế kỷ 17 và 18 các chúa Nguyễn hàng cử ở Nam-bà cũng rất chú ý đến việc tổ chức quân-đội. Lễ độ rất tự nhiên vì các chúa Nguyễn từ chúa Nguyễn Hoàng đến Võ-Vương, đời nào cũng luôn luôn bận về việc binh bị. Phía Bắc thì đánh nhau với quân T.jah từ 1620 đến 1672 mới đình chiến trong khoảng hơn trăm năm, còn phía Nam thì các chúa Nguyễn chăm lo việc mở mang bờ cõi bằng cách lần lần Chiếm thành và Chấn-lập. Trong tám vị chúa Nguyễn thì chúa Hiền là vị có tinh thần thượng-vô, lại cau đảm và giỏi về phép dụng binh nhất. Dưới đời Hiền-vương, quân lực chúa Nguyễn khá mạnh nên ba thắng quân Trịnh mới cách ly rệt (1655-1661, 1661-1662 và 1672), có lần đã chiếm được một phần tỉnh Nghệ-an của Trịnh. Theo sách Thực lục tiền biên thì hồi tháng ba năm 1653, chúa Hiền trước khi dự định đánh Trịnh đã duyệt đội quân của mình tại làng An-cụ gần kinh đô Thuận-hóa (hồi đó ở Kim-long). Quân-đội chúa Nguyễn hồi này gồm có cơ Trung-hầu, 10 thuyền, 300 người, các cơ nội bộ gồm 60 đội hay là thuyền, 3.280 người, hai cơ tả trung và hữu trung mỗi cơ 14 thuyền và hơn 700 quân, các cơ nội thủy gồm 58 thuyền và 6.410 người, có tả trung kiên 12 thuyền 600 người, có hữu trung kiên, 10 thuyền 500 người, hai cơ tả trung bộ và hữu trung bộ mỗi cơ 10 thuyền 450 người, có tiền trung bộ, 12 đội, mỗi đội 5 thuyền tất cả 2700 người, bốn cơ tả dục, hữu dục, tiền dục, hậu dục mỗi cơ 5 thuyền tất cả 1.100 người, bốn đội tả thủy, hữu thủy, tiền thủy, hậu thủy mỗi đội 5 thuyền và 2000 người, 8 cơ tả nội bộ, hữu nội bộ, tiền nội bộ, hậu nội bộ. Tả súng, hữu súng, tiền súng, hậu súng mỗi cơ 6 thuyền tất cả 2.100 người, dinh tả bộ, 10 thuyền, tất cả 450 người, bốn đội tiền, hậu, tả, hữu binh, mỗi đội 4 thuyền và 200 người, cơ tả thủy, 5 thuyền hơn 200 người. Xem trên đây thì ta thấy cơ (régiment)

có khi chia thành thành thuyền (section), có khi lại chia thành đội (compagnie) rồi đội lại chia thành thuyền. Có cơ nhiều thuyền, có cơ ít thuyền không nhất định, lại có cơ như cơ tiền trung bộ gồm tới 60 thuyền, Số lnh trong một cơ cũng không nhất định có khi 200, 300, 400, 500, 600 có khi lại gồm tới 2.700 người. Tất cả quân đội duyệt hồi đó có độ 22.700 người. Nhưng cũng có hồi như cuối đời Hiền-vương (1672), quân-đội chúa Nguyễn có tới 160.000 người lại còn một thời 100.000 nữa để chống với quân Trịnh đông tới 180.000 hoặc hơn nữa.

Lực-lượng của chúa Trịnh và chúa Nguyễn hồi Nam Bắc phân tranh

Muốn biết rõ lực lượng của chúa Trịnh và chúa Nguyễn trong hồi Nam Bắc phân tranh nghĩa là trong hơn 50 năm từ 1620 đến 1672 thì không những phải đi đến các sách sử của ta, ta còn có thể xem trong những tập ký sự của các người Âu-châu đến nước ta trong hồi đó, những tài-liệu sau này rất có thể tin được và phần nhiều đến gần với tài-liệu trong các cuốn chính sử của ta. Ta hãy nghe, giáo-sĩ Alexandre de Rhodes ta các chiến-thuyền và lực-quân của chúa Trịnh-Trang đem đi đánh Nguyễn: « Trước hết, ta thấy 200 chiến-thuyền đóng rất có mỹ-thuật, và sơn màu sắc sặc sỡ như các thuyền đại-ngự. Các thuyền đó chở nhiều cơ lnh. Trại tự của đoàn chiến-thuyền trong khi đi n di đến các người ta khiếp sợ, đồng thời lại biến ta một cảnh ngoạn-mục. Rồi đến 24 chiếc thuyền lớn chở đội quân bắn họ của nhà vua. Các thuyền này khác thuyền khác là sơn màu vàng-chói lại hơn, buồm bằng vải tốt hơn và giây cũng bằng tơ màu đỏ. Giữa đoàn thuyền đó là thuyền vua ngự. Vì chúng tôi đi theo quân đội trong ít lâu nên tôi có thể biết rõ lực lượng của chúa Bắc-hà. Những thuyền đi sau thuyền ngự còn nhiều hơn đoàn đi tiền phong. Còn những hạm thuyền lớn, nhỏ để vận tải thì nhiều vô kể. Có tới 500 thuyền lớn chở lương thực của thủy quân và cả của lực quân nữa ». Cha de Rhodes còn nói rõ thêm rằng chúa Trịnh-Trang có tới 600 chiến-thuyền và chiến-thuyền của Việt-nam hồi

đó to hơn cả các chiến-thuyền Âu-châu mà cha de Rhodes đã trông thấy ở hải cảng Gê-nê và hải-cảng Marseille. Mỗi chiến-thuyền có ba khẩu đại-bác, một ở đằng mũi hai ở đằng lái. Mỗi bèn có 25 mái chèo. Ngoài ra lại có một số quân lnh ở trên thuyền giữ việc chiến đấu. Nói tóm lại thì sức lực và khí giới của các chiến-thuyền Việt-nam trong hồi đó có thể làm cho cả các chiến-thuyền Âu-châu cũng phải sợ, theo lời giáo sĩ de Rhodes (1).

Lực-quân tiến theo một con đường khác và gồm có độ 120.000 người, số quân-lính cả lục và thủy quân có thể lên tới 200.000 người. Trịnh-Trang đã cho gọi hết các tráng đinh trong nước có thể ra lính dự chiến để dẹp kẻ địch ngay trận địa. Lúc thường thì quân đội Bắc-hà chỉ gồm có độ 50.000 người tuyển trong các tỉnh miền Nam còn trong thành với vua Lê trong khi họ Mạc tiến về. Chỉ khi nào có chiến-tranh mới dùng đến lính mộ ở các tỉnh miền trung-châu Bắc-ry.

Một giáo-sĩ giống Tera khác, cha Tisanier ở Bắc-hà vào hồi 1663 có viết một tập ký-sự thuật lại rằng đội quân thường-trục của nhà vua gồm tới 50.000 người. Giáo-sĩ còn nói rằng số quân đóng ở biên-giới Nam-kỳ có tới 60.000 người. Trong quân-đội nhà vua còn dùng 600 tốt voi và về hũy b nh thì có 500 chiến thuyền phân nhiều đều sơn và thiếp vàng rất đẹp.

Lại theo lời một thương-gia Pháp ở xứ a hồi đó thì năm 1643 chúa Trịnh đã dùng một đội quân khá lớn gồm 8.000 ngựa chiến còn bao nhiêu thì để chờ hành-lộ nhà vua, ngoài ra về thủy-binh lại có 310 chiến-thuyền và thuyền vận-tải dài và hẹp v chạ bằng buồm và chèo bằng mái chèo ».

Cuốn sách « lịch-sử xứ Bắc » của giáo-sĩ de Rhodes còn cho ta biết về lực-lượng của chúa Nguyễn hồi đó nữa. Theo giáo-sĩ thì chúa Nguyễn có độ 200 chiến-thuyền nhưng không thể đem cả để đi đánh quân Trịnh vì còn phải để lại một phần ở Quảng-nam và ở biên-giới Chiêm-nhàn là nước vào

(1) Trong một trận thủy-chiến năm 1644, ở ngoài khơi cửa sông Huố, chiến-thuyền của Nguyễn đã thắng 3 chiến-thuyền lớn của Hả-lan.

đánh nhau đôi Nam-hà luôn luôn. Xứ Nam-hà chỉ có những sông ngắn và hẹp cách xa nhau bằng những gầy núi cao không thể qua lại được nên thủy-bình không thể mở mang như ở Bắc được vì xứ Bắc có những sông rộng có thể thông với nhau bằng những sông dài. Cũng vì lẽ đó mà các chúa Nguyễn không thể tin vào thủy quân và phải chú ý đặc biệt đến việc mở mang lục-quân càng các cơ-quan phòng-thủ thì mới chống lại với quân Trịnh được. Cả về các khi-giới của quân Nam cũng hơn quân Bắc vì ở Nam chúa Nguyễn sớm biết tiếp đãi người Âu-châu và nhờ vào họ để mua vũ khí các súng đại-bác. Theo trong Thực lục niên bính thì quân của Nam-hà lúc đầu chỉ có độ 23 000 người nghĩa là hơn quân của Trịnh nhiều.

Các tài-liệu tìm thấy trong châu-sử cũng như các tài-liệu nhật ở các tập nhà-ký của các người Âu đến xứ ta hồi đó đều nói đúng về diện-trên này và về số quân lính của hai bên đối thủ. Nên ta chịu khó nghĩ đến tình hình nước ta hồi đó thì ta sẽ thấy là những số quân nói trên này không gì là quá đáng cả. Trong suốt hai thế kỷ 16 và 17 ở nước ta luôn luôn có chiến-tranh, khi đánh với Tàu, khi đánh với Chiêm-thành và cuối cùng là các cuộc nội loạn. Vua, chúa và các quan to chức nghĩ đến chiến-tranh và một phần lớn dân chúng sống về nghề binh bị cả đến cách tổ chức trong xứ cũng hợp với tình thế đó. Ở Bắc chúa Trịnh thường đem một ít làng mà thưởng cho các vị công thần, vị quan có công như thực trong phạm vi đất đai vua - chúa ban cho những phải nuôi một số quân lính nhất định để khi quốc - gia hữu - sự sẽ dùng đến. Cả đến các tướng tá các bậc dưới cũng được hưởng đặc quyền đó. Như thế thì lương của quân lính nhà nước càng phải lo đến nữa. Những lợi quyền đó thêm vào các lợi cướp bóc của cải và những món tiền thường lớn để hiến cho nhiều người đua nhau ra ứng mộ. Ta lại nên biết tuy kẻ ngoại đến ta

qua hòa-bình nhưng thực ra thì có khi lại rất hiểm-chiến như ta đã thấy trong lịch sử nước nhà. Hồi này vua chúa ở nước ta lại giữ quyền độc đoán đối với dân chúng nên đến khi có chiến-tranh cần đến người làm gì lại không có ngay được một đội quân lớn như ta đã thấy trên kia.

Nếu ta đi ngược lịch-sử độ vài trăm năm về trước, dưới đời nhà Hồ, khi được tin quân Minh sắp sang xâm lấn bờ cõi nước ta, vào tháng tư năm Thiệu-Thành nguyên niên, Hồ-hán-Thương xuống chiếu lập thiên hạ hộ tịch để kiểm điểm số dân trong nước. Mục đích việc lập hộ tịch đó là để tuyển một quân đội lớn để chống với quân Tàu. Hồ-quí-Lý thường nói với quần thần rằng: « Phải có một đội quân trăm vạn người thì mới địch được giặc phía Bắc ». Đồng tư khu mật sứ là Hoàng-hải-Khanh nghe thấy bên biên kể con gái từ 15 tuổi trở lên, và từ 60 tuổi trở xuống đều ghi vào sổ đình, vì đó mà số dân trong nước và cả số quân lính cũng tăng gấp bội. Hán-Thương lại tổ chức lại quân đội. Nam, Bắc quân mỗi quân chia làm 12 vệ, Đông, Tây quân mỗi quân chia làm 8 vệ, mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người, đại-quân gồm ba mươi đội, trung quân, 20 đội, dinh 15 đội, cấm vệ độ 5 đội, cử đại tướng quân đứng chỉ huy. Hán-Thương lại sai Hoàng-hải-Khanh đốc dân phu đắp thành Đa-bang để phòng giặc và mở xưởng đúc binh khí, tuyển thợ khéo trong nước sung vào. Các cửa sông, cửa bể đều cho đóng cửa để ngăn chiến-thuyền bên địch. Việc phòng thủ đó về rất chu đáo, nhưng đến khi Minh-đế sai Tân-thành-hầu Trương-Phụ, và Tây-binh-hầu Mộc-Thạch đem tất cả 800.000 quân do hai đường tiến sang xâm lấn nước ta, hèn bại-quan ở trên bờ sông Bạch-Hạc, chỉ vì nhà Hồ mới cướp ngôi nhà Trần chưa được lâu dân, trên vua dưới dân không đồng tâm nên mới bị thất bại, nước mất nhà tan, thân bị bắt về Kim-lĩnh rồi bị giết. (xem tiếp trang 22)



HÀ-THÀNH HƠN MỘT TRĂM NĂM TRƯỚC CÙNG ĐÃ CÓ NHIỀU NẠN TRỘM CẮP, LỪA LỘC

Đã là nơi đô-hội, bất cứ nơi nào cũng có những kẻ lừa lọc trộm cắp xảy ra, do những kẻ do thủ, do thực cùng bọn còn biến gây nên. Vì trong trong đó có các hạng người quân cư tập xứ, người hay có nhiều mà kẻ dở cũng không phải ít, nên người người xưa đã gọi nơi đô-hội là nơi « thủ thiện » nghĩa là có nhiều cái hay mà cũng là nơi « thủ ác » nghĩa là có nhiều cái xấu, vậy ta không nên nhất khải báo lẫn nơi này là hay, nơi kia là dở nhất là lại không nên nói mới nơi xưa kia phong-tục thuần-hậu, mà ngày nay vì thoái hóa đã thành ra gian trá điêu ngoa. Ta lại nên biết những cái dở, cái xấu ở các nơi đô-hội chính là những phản-hướng của cuộc tiến-hóa, hệ trình-độ ở các nơi ấy tiến hóa cao lên chừng nào, cái hay cái tốt sản ra nhiều, theo ngay đó những cái dở cái xấu cũng ngầm ngầm sinh ra, rồi sẽ tiếp hiện hiện, sự đó đã thành ra cái lẽ tất nhiên, không sao tránh được. Những chứng cứ xác thực,

trong các thiên du-ký của các nhà du-lịch, mỗi khi đi đến các nơi đô-hội như Hương-cảng, Thượng-hải, Nữu-uớc, ngoài những câu văn cực dễ hết sức tán dương về nhân-vật, chính-trị, kỹ-nghệ tiến bộ mau chóng, khiến ta phải kinh-phục, muốn được thân tới mắt nhìn; các nhà ấy lại không quên là những ngôn thần xuất quỷ nhập của một bọn trộm cướp và bọn con buôn làm cho ta phải khiếp sợ, tưởng không bao giờ dám mong tới nơi vậy.

Ông Mỗ người ở miền xuôi, vừa rồi viết thư trả lời tôi về câu hỏi « làm sao ông lại chán chốn Hà-thành ». Hơn nữa ông lại quá ghét như: ghét một kẻ thù, không bao giờ muốn nhìn đến nữa. Cuối cùng ông nói hẳn Hà-thành là nơi cần phải lánh xa, rồi ông thấy nó có ba cái đáng ghét to m: bộm bãi, lừa lọc, trộm cắp. Rồi ông tỏ giọng ưu thối mà thề rằng một câu rất đau đớn: Ôi! Thời đời thay đổi, lòng người thay đổi, lòng người chẳng được như xưa, một nơi vẫn một

CÁC BÀ
CÁC CÔ
HAY ĐÔI
CHO ĐƯỢC

7 MÀU SẮP MÔI

Pimprenelle

THƠM ĐONG
BẾN MÀU

DR. H. J. BEYER
CHẾ TẠO

GIÁ
QUANG CẢO

6*90

1 LÔNG

như đất cổ-dò, ngày nay chỉ còn là nơi vàng
váy của bọn người gian trá.

Xét xem lời nói của ông Mỗ, ở trong tất
cả ý một lẽ cũng hợp lý nên ông đã kết
luận bằng một giọng quả quyết, không cần
phải giải thuyết. Có điều ông đã xét lầm,
cho rằng nơi cổ-dò ngày nay mới có
những hiện tượng kỳ thì không đúng. Hà
thành là nơi trù chiêng quạ cư như trên
đã nói người hay đủ lắm, kể đó cũng nhiều,
các trò bợm bãi, trộm cắp, lừa lọc, từ xưa
cũng vậy có, ta hãy coi qua mấy đoạn văn
trong tập *Vũ trang thủy bát* của cụ Phạm
thành-Nên, sinh trước đây chừng 150 năm
thì biết.

1') Trong khoảng hai phường Diên-Hưng
(hàng Ngang), Đông-Lạc (hàng Đào) có một
cửa hàng bán quần áo may sẵn, mới thành
vào các ngày 1, 6, 11, 14, 15, 21, 26, 30,
người các nơi kéo đến mua bán rất là đông-
đạc, chen chúc nhau vòng trong vòng ngoài.
Bọn ăn cắp, cũng cứ đứng ngó kẻo đến,
chen lấn vào trong đám đông, kẻ thì cầm
túi, kẻ thì lẫn lộn, có kẻ không lấy được
gi thì lừa gạt những vớ áo, có kẻ lại nói
phao lên là có voi sông ngựa lồng, rồi mấy
đứa giả cách hô hoán chạy, làm cho các
người đang chen chúc và người đi đường
tưởng thật, cũng xô nhau bỏ chạy, hàng hóa
vứt bừa bãi không ai kịp nhặt nữa. Tới khi
biết là mắc lừa kẻ nói dối, thì bọn gian đã
vơ vét hết hết lên đi đường nào rồi.

2') Một hôm có một chiếc kiện buồm mui
rất lịch-sự, đi đến đậu ở trước cửa một
hàng bán vải vóc, ở phường Đông-Các,
đầy tớ, kẻ hầu lễ lượt theo đi rất đông.
Rồi một tên đi vào cửa hàng, nói là bà lớn
hỏi mua bạc. Nhà hàng nói giá. Tên ấy có
kẻ mãi không xong. Kẻ đó lại nói mua bạc
bà đi vào, nói là bà lớn truyền chờ hàng
hãy đưa cho vài chục đỉnh bạc, để đưa về
nhà trình ông lớn xem, bề ông lớn bằng
lòng, sẽ định giá và mua thêm nhiều nữa.
Chủ hàng tin lời, đưa đi số bạc cho mục
ấy và tên vào trước cùng đem đi. Rồi đó
họn tới tổ dân dần bỏ đi, những tên phụ
không hiểu cũng đi nốt. Chờ mãi đến
chiều tối cũng chẳng thấy người vú già và
tên kia đến, chủ hàng mới đi ra trước kiến
đề hỏi thăm, thì chẳng thấy có bà lớn nào,
chỉ thấy một người ăn may già mù cả hai
mắt, khoác mấy vuông lụa đỏ ngồi ở trong

kiện, chủ hàng hỏi, người ấy chỉ ngồi trơ ra
chẳng nói gì. Xem đèn cái kiện thì đã cũ
và hỏng, có bản chỉ được mười quan tiền.
Chủ hàng hết hoảng, vội chia người đi tìm
kiếm bọn gian, thì chẳng thấy tăm hơi gì
nữa. Những việc lừa lọc như thế, thường
xảy ra nhiều, không thể kể xiết.

3' Năm Nhâm thìn niên hiệu Cảnh-hung
sau kỳ thi hội thứ tư vừa xong, một mục đi
đến một nhà sang ở phố hàng Chiếu nói chuyện.
Câu chuyện đang vui thì mục có
nói đến chuyện một ông Công trúng cách,
thì hội là người mục vốn quen biết. Chủ
nhà hỏi đến niên mụo quán cả của ông
nghe mới ấy, mục kể lại rất rõ ràng, lại tỏ ý
phân nan cho ông nghe mới ấy nhà rất
nghèo, lại chưa có vợ, kỳ thi đình đến nơi
không biết đến hôm vinh quy này sẽ làm
ra thế nào. Chủ nhà nghe nói, động lòng
muốn được qui-tê, liền bảo mục hiện nhà
có con gái đến thì chưa chồng, mục xem
mục không xấu xí, đáng làm mối cho, thì
phỉ tợn lẽ vinh quy hết bao nhiêu, sẽ ứng
ra cho, quan nghe mới không cần phải lo
nặng chữ. Nghe nói, mục có ý làm khó
khăn, rồi đi lại mấy lần, cuối cùng mới
quan nghe mới đến xem mặt có gái qui.
Chủ nhân tiếp đãi rất hậu, đêm đến lại
mời quan nghe mới ngủ lại và cho con gái ra
chào. Mục lại xin cha nhân cho con gái được
cùng quan nghe mới ngủ tay say, cùng nhau
định ước sau khi cặp-đôi thành hôn. Sáng
sớm hôm sau, quan nghe từ giả và về, chủ
nhà đưa tặng một số bạc lớn, rồi kịp sửa
sua cho con gái đợi ngày ngảnh hôn, làm
nên quan tất. Đến ngày truyền lờ tử yến,
mong chờ mãi không thấy mục kia đến,
chủ nhân nóng ruột, sai người đi hỏi khắp các
quan nghe mới để thì không có ai như
người đã mời ngủ lại đêm xưa. Bấy giờ
mới biết là mắc lừa, đành phải bầm bụng
cẩn rằng không dám phản nân với ai cả.
Tuy vậy, việc ấy rồi cũng dần ra đến ngoài,
khắp kinh thành đến khắp nhau làm
chuyện mua cười. Oai thuật đi lừa như
thế, thực là quí quyết, nhưng nhà kia nếu
không có cái thái độ ham mê hư danh
chúng của cái phúc không phải phận, thì
bọn đi lừa dù khôn khéo đến đâu, cũng
không đặt trống thả bầy được vậy.

TƠ LÒNG

QUỲ-KÊ CỦA MỘT ÔNG ĐẦU TRỌC

Tại Nam-kinh, có một người họ Trần, làm
nghề chài lưới, nhà ở ngay trên bờ sông
Dương-3. Người vợ họ Chu, mới có 22
tuổi, thanh nét như-mi, lại có nhan sắc xinh
đẹp. Gần nhà Trần, có một ngôi danh-lam
là chùa Kim-sơn, trong chùa có nhiều tăng-
chàng tu-hành, nhưng phần nhiều là kẻ
giả danh núp bóng từ-bi để làm việc gian ác.
Trong đó có hòa-thượng Huệ-minh, tuổi
còn trẻ, tính nết chai lờ, không được đứng
đắn, mỗi khi đi qua nhà Trần thường gặp
người vờ đứng cửa, vờ dỗ ý nhin, đầu mày
cuối mắt, đem lòng trộm nhớ thầm yêu,
muốn tỏ ý cầu thân, nhưng không sao tìm
được cơ-hội.

Nhân có một mục già bán hoa, hàng ngày
vẫn đem hoa đến chùa và các nhà bán. Huệ-
Minh hỏi đi, biết mục vẫn đi lại ra vào nhà
Trần rất thân. liền tỏ ý riêng và yêu cầu mục
hãy cách nào cho được gần gũi Chu-thị, sẽ
biết mục món tiền to. Mục già nghe nói, có ý
ngần ngại, vì Chu-thị không phải là kẻ bõm
xom có thể đem những lời nói giằng giặc
quàng xiên mà cảm dỗ được. Nhưng vì
tham muốn món tiền thưởng to của Huệ-
Minh cũng nhận lời và xin bày thông thả
để bày mưu kế.

Sau khi mục đã nhận lời, Huệ-Minh thường
đến thức dậy, muốn chờ mục hết sức. Nhân
trong chùa có một cây mai đặc bằng vàng đủ
cả hoa lá, cao độ hai thước, do một bà
hoàng-hậu đời Nguyên cung tiến đã hơn
trăm năm, Huệ-Minh liền bề trộm một lá
tặng mục làm tin.

Thấy vậy mục càng tối mắt. Nào mục có
tài nói chuyện hay và lại, một hôm người
chồng có việc phải vắng nhà mấy hôm, đêm
đến Chu-thị cho mời mục vào nhà nói
chuyện và cùng ngủ cho vui. Chẳng để lỡ
dịp mục liền lên đến chùa, báo Huệ ngầm
đưa cho một đôi giấy riêng. Mục gọi lại đặt
vào bọc rồi đi thẳng đến nhà Trần.

Chu-thị thực lòng, thấy mục vào tỏ ý mừng
cớ, làm cơm sườn thịt dãi, cùng ăn uống và

nói chuyện rất vui, mãi đến đêm khuya mới
cùng lên giường đi ngủ.

Mục đã có ý tra lúc Chu-thị ngủ say ngầm
bỏ đôi giấy xuống gầm cái bàn con ở chân
đường. Hôm sau Trần về, đem đến vào
phòng đi ngủ nhìn xem đến nơi tìm vật gì,
bỗng thấy một đôi giấy lạ. Cầm lên
xem nhận ra là đôi giấy của các hòa-thượng.
Lúc đầu còn nghi-hoặc, rồi nổi trận lôi
đỉnh, gọi Chu-thị vào tra hỏi:

— Làm sao tôi đi vắng có vài hôm, mà
trong phòng lại có đôi giấy của nhà sư?

Chu-thị thấy sự lạ, không hiểu ra sao,
chối đáp-day không biết. Thì cang chối.
Trần càng ngờ vực, lửa giận càng bốc lên,
liền túm lấy tay và đánh đập, vừa sỉ mắng:

— Thôi, gài đi đứng giả mồm. Tất mảy có
tu-tình với một tên hòa-thượng nào, là
khi ta vắng nhà, đem đến lừa rước nó đến
để cùng nhau ăn ái chữ gì. Sáng ra tên ấy
sợ có người biết, vội vàng lén ra, lật đặt
không kịp xô giày, đành bỏ lại mà lên ra
chân không. Chắc hẳn thế không còn sai nữa.

Đành mắng xong, Trần liền tuyên bố tội
trọng của Chu-thị, đuổi về ở với cha mẹ
không nhận là vợ nữa, để Chu-thị đi coi
đứa con một tuổi ngoài-nguồn đang bồng
trên tay. Trần bắt phải đi tỉnh, để đứa con
lại, tay không ra khỏi ngay nhà. Bị oan ức,
Chu-thị đã đã giải tỏ hết lời, lại được các
người lân bang nói hộ và đảm bảo cho không
phải là người có nét xấu lòng gian, mà Trần
vẫn một mực không tin, bắt phải đi ngay,
không được ở lại một phút.

Bị đuổi, Chu-thị không thể cưỡng lời
được, đành phải cam rằng, gạt lờ, lờ đi
chẳng còn ra đi. Thì có để lại cho chồng
bài ca từ biệt như sau này:

Khử yến hữu qui kỳ
去燕有歸期
Khư phư trưởng ly biệt
枯蕪長離別
Khư phư trưởng ly biệt
去歸長離別
Thiếp hữu đường-duyên phu
妾有堂○夫
妻有堂○夫

Thiếp hữu qua-quả nhi
 妾有瓜瓞
 -Tiểu phu dư tử
 撒了夫與子
 Xuất môn hà sở chi
 出門何所之
 Hữu thanh không minh yết
 有聲空鳴咽
 Hửu không liên nhi
 有淚空漣
 Bách bệnh giai hữu dược
 百病皆有藥

Thử bệnh lượng nan y
 此病諒難醫
 Trương phu tâm thiên phúc
 丈夫心翻覆
 Toàn bất ký đương thì
 全不記當時
 Sơn minh tỉnh hải thệ
 山盟井海誓
 Thuận tức thả suy-di
 瞬息且推移
 Hu ta nhất thiếu phụ
 吁嗟一少婦
 Phương thốn hữu thiên tri
 方寸有天知
 Dịch ra quốc-văn như mau
 này

Kia chim én, đi còn có lại,
 Gái này đi, đi mãi mãi thôi.
 Chồng yêu, thiếp có bầu hoi
 Con gosa vừa được tuổi tôi, thiếp bằng.
 Vười bố con, cùng chồng từ biệt,
 Ra cửa rồi thiếp biết đi đâu?
 Nhện giăng nói chẳng nên cầu
 Lẻ tuôn lá chũ khắc dấu mưa rào.
 Trăm thứ bệnh, bệnh nào thuốc ấy,
 Riêng bệnh này chữa mấy, khôn yên,
 Trách chồng lòng dạ đảo điên
 Sao không nhớ lại mỗi duyên những ngày.
 Lỡ thế-thối, coi tay non biển,
 Chớp mắt qua đã biến đổi ngay,

Thân ôi mệnh bạc gái này,
 Tâm lòng son, có cay đắng chứng-minh.
 Bị chồng bỏ, Chu-thị đành phải trở về
 nhà cha. Thấy vậy, Huệ-Minh bao xiết vui
 mừng, cũng lập tức giả cảnh, giả chửa, phá
 giới đi tìm một nơi ở riêng. Được ít lâu,
 Huệ-Minh nuôi tóc đã dài, trở nên một chàng
 bảnh-bao lắm, liền cậy mối dẫn đem hỏi
 Chu-thị, rồi cưới về làm vợ.
 Được hơn năm, Chu-thị sinh được một
 con gái. Một hôm vợ chồng cùng ngồi chơi với
 con, Huệ-Minh vừa bế con vừa âu-yếm nói:
 -Ta chẳng bày ra diệu kế, khi nào đã



lấy được mẹ con, để sinh ra con-nhì!
 Chu-thị cười hỏi kẻ gì, Huệ-Minh nghĩ vợ
 chồng tình nặng, chẳng còn giấu giếm gì,
 liền kể hết công việc cấy mỳ bán hoa đã làm
 khi trước.

Nói xong, nhĩa Chu-thị chực nhoeo cười,
 Bỗng Chu-thị mặt đỏ bừng, hai mắt trợn
 ngược, như trăm ngàn nỗi căm hơn tức
 giận đang chực bùng ra. Nàng đứng phắt
 ngay dậy, giọng chỉ mặt Huệ-Minh, và
 xia vừa mắng:

- Ầ, thế ra mày là kẻ bất lương, lập tâm
 cướp vợ người đó ư? Mày thực là đồ mặt

người da thú, chỉ vì muốn thỏa lòng riêng,
 nở làm cho ta phải bại tiết ở danh, chịu
 miệt thị người đời mai mỉa bấy lâu. Ta
 vô tình đã chịu mang tiếng vì mày, lại bị
 thất thân với mày nữa. Nếu không có lời tư
 thủ của mày ngày nay, nỗi oan ức của ta
 biết bao giờ giải tỏ ra được.

Nói xong, nàng đi ngay vào kinh-sư, đánh
 trống dâng văn đề minh oan. Bấy giờ vua
 Thái-Tổ nhà Minh mới lập thành đế nghiệp,
 muốn biết rõ các việc ở dân gian, cho đặt
 một chiếc trống lớn ở cửa Đại-hung, hạ
 lệnh cho nhân dân có điều gì oan-ức muốn
 kêu, cho phép đến đó đánh trống lên, ngài
 nghe tiếng sẽ cho gọi vào trước ngọc bệ xét
 hỏi. Bấy giờ ngài nghe tiếng trống của Chu-
 thị, lập tức cho đòi vào, hỏi rõ chuyện tình,
 ngài nổi giận nói rằng:

- Không ngờ một nơi danh lam ở gần
 hoàng đô ấy, lại có bọn ác tăng lần lút làm
 việc bất lương đến thế, chúng thực chẳng
 còn coi vương pháp là gì.

Rồi sai võ sĩ đến bắt Huệ-Minh về tra hỏi.
 Trước thiên nhan, oai nghi lắm liệt, Huệ-
 Minh phải thú hết tội lỗi đã làm và lại cung
 ra hơn 70 vụ sự trong chùa, cũng là một bọn
 ngày thường vẫn cùng tác ác.

Xét rõ tình tiết, vua Thái-Tổ liền truyền
 chỉ đem Huệ-Minh ra lăng-tri xử-tử. Ngoài
 ra, có mười hòa-thượng nữa bị tội thất cô,
 còn đều phải giải ra nơi biên ải sang quán.
 Ngài lại không quên kẻ đã dẫn đường cho
 Huệ-Minh tác ác là mụ bán hoa, bắt phải
 giải lại là vàng cho nhà chùa, rồi cũng bị
 trảm quyết.

Ấn tình đã rõ, họ Trần mới biết là Chu-thị
 bị oan, muốn được công nàng nổi lại duyên
 xưa, nhưng nàng từ chối rồi đi ở chùa.

SỐ-BÌO

Thống-chế Pétain đã nói:

"Nhờ có bài t. ăn mà mỗi đồng-tâm của quốc-
 gia được thắt chặt; chúng ta sẽ đi quay quần để
 tìm sự bảo vệ chung: Sự gần gũi đó, ầu chỉ là tự-
 nhiên, là hy vọng nâng đỡ nhau trong cuộc phục-
 hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-minh của phải cần
 sự thống nhất của nước Pháp."

15 JUN SE CỎ BÀN:

THẦY «LANG»

Phóng sự dài của TRỌNG-LANG
 Lời giới-thiệu của VŨ-NGŨ - PHAN

... «Trong lúc các nhà y-học nước ta muốn
 chấn hưng nghề thuốc của Đ. G. PHƯƠNG, thiêu
 phong-vu «THẦY LANG» ra đời rất hợp, chúng tôi
 chắc không những các nhà y-học mà ai ai cũng
 phải hoan nghênh, vì nó còn là một bài ca
 cao của các con bệnh biết mà coi chừng nữa.
 Bản thường 4300 — Bản quý 26300

SẺ CỎ BÀN:

XUÂN VÀ SINH
 của THANH - TÍNH
 HAI GIỜNG SỮA
 của NGUYỄN-HỒNG

Nhà xuất - bản HÂN - MẠC

Thư từ và ngân - phiếu xin gửi về:

M. NGUYỄN-NHƯ-FICH
 N° 26, phố Hàng Quạt — HANOI

HAY ĐỌC:

TIỀN KIẾP

của Thiệu-Lang Đỗ Huy-Nhiệm
 Tiểu-thuyết về Thần-Linh-Lộc Giá 1p80

CHUNG NGƯỜI ĐINGUOC GIANG

của Trần Đình KHAI — Giá 2p80
 Tiểu - thuyết phân tích tâm lý

MỢ TỬ TÂN

của CHU THIÊN — Giá 2p80
 Tiểu-thuyết khảo-cứu phong tục thời đại

Đầu xanh gió bụi

Phiên - lưu - tiểu - thuyết — của Phạm Cao Công



TAM-KỲ 64 Amap Sédés Hanoi

EROS

X1-gà nhe, thơm, êm dịu, rất thích hợp cho người nghiện
 thuốc lá nặng. Bán lẻ khắp nơi. Bán buôn tại hãng
 thuốc lá FATONCI, 87 Rue de Hué Hanoi — Téléphone 974

NGHIÊM-PHỤC

và vấn đề văn-hóa Đông Tây

VII

**Nhất định ta phải tây-hóa
cả một trăm phần trăm**

Những người muốn
giữ văn-hóa Đông-
phương làm «thể»,
lấy văn-hóa Tây-
phương làm «dụng»,
hai đảng pha trộn lẫn

tức cho nhau, Nghiêm-Phục cho là cái
thuyết nửa nạc nửa mỡ, không thể mong
thực-hành được kết-quả tốt đẹp cho Trung-
quốc, nên chỉ ông phân-đối, và một mục
hồ-hào phải Tây-hóa toàn-thể mới được.

Trong bức thư ngỏ, bàn chuyện giáo-
dục với chủ-nhan báo Ngoại-giao, thầy
Nghiêm-Phục bài-bác thuyết nọ như
dưới đây:

«Người ta nói thể với dụng là trò ngay
«vào một vật mà nói. Có cái thể (minh)
«con trâu, thì có cái dụng (sử dụng) mang
«nặng; cái thể con ngựa, thì có cái dụng
«đi xa, tôi chưa từng nghe lấy con trâu
«làm thể, mà lấy con ngựa làm dụng được
«bao giờ. Vì giống nào có thể, dụng của
«giống ấy.

«Cái học của hai xứ Trung Tây khác
«nhau, cũng như mặt mũi nhâm-chứng
«mày khác nhâm-chứng kia, không thể nói
«bằng là giống nhau được. Cho nên
«Trung-học có thể dụng của Trung-học,
«Tây-học có thể dụng của Tây-học, phân
«ra thì cả hai cùng đứng, nhập lại thì cả
«hai cùng lều. Người ta bàn định, muốn
«nhập lại làm một vật, thể một đảng mà
«dụng một đảng, thể thì văn-nghĩa trái
«ngược, đến cái danh nói còn chẳng
«đúng, mong gì nói mà thực-hành được ư?»

(體用者, 卽一物而言之也. 有牛之
體, 則有負重之用; 有馬之體, 則有致
遠之用, 未聞以牛爲體以馬爲用者也.
中國學之異也, 如其種人之面目然, 不
可強相似也. 故中學有中學之體用, 西
學有西學之體用, 分之則兩立, 合之

則兩亡. 議者必欲
合之而以一物,
且一體而一用之,
斯文義違悖, 固
已名之不可言矣.
烏望言之而可行乎?)

Ta xem đoạn văn này, đủ thấy rõ ý-
hướng Nghiêm-Phục, nhất định Tây-hóa
trăm phần trăm, nghĩa là bỏ hẳn tư-tưởng
học-thuật cũ rích của Trung-quốc mà đổi
lốt theo Tây hoàn-toàn, chứ còn tiếc rẻ
giữ lại vốn nhà mà mượn Tây-hóa tô
diềm vào, thì không thành hình dáng gì.
Ấy là lối cái cách lai-căng, toàn lấy mình
con trâu để dùng vào việc con ngựa, ông
bảo là nói đã chường tai khó nghe, còn
trông thực-hành làm sao được?

Nghiêm-Phục tin tưởng ham mê văn-
hóa Tây-dương, nhìn nhận nó tốt đẹp
trọn lành đến tốt bậc vậy.

Những lúc ông là người trước nhất,
hăm hồ đem văn-hóa Tây-dương trình
bày giới-thiệu ở nước Tàu; có ai thò
mách chế bai văn-hóa này còn có một hai
chỗ nào khuyết-hám, thời thì ông ra sức
bênh vực đến cùng. Làm như văn-hóa
Tây-dương tức là người con gái mỹ-miệu
đã được ông yêu quý thì đâu có chẳng
được thập toàn, nhưng trước mắt ông
cũng là tuyệt-phẩm.

Đương thời, còn một phái nữa chủ-
trương cũng gần như phái «thể dụng»
nói trên, đại-khải lấy cái học Trung-quốc
đã có xưa nay làm chủ, mà đem Tây-học
phụ thêm vào chỗ bất-túc, ấy là thuyết
«Trung Tây chủ phụ 中西主輔».

Nghiêm-Phục cũng trẻ mới lắc đầu, cho
thể văn là lối bích lai-căng, nửa nạc nửa
mỡ, thì hành chẳng được mà cũng không
nên thì hành lối ấy. Vì là vô ích. Ông viết:

— «Chính giáo, học thuật của một
nước, chẳng phải như một vật-thể đủ hết
cơ-quan hệ-phần mới sống đầy ư? Có đâu
có bụng mới có tạng phủ từ chi, cũng như
loài cây có thân có rễ rồi sau mới có
nhánh lá hoa quả. Nay ta định lấy cái
khác để phụ vào, mà nó với cái làm chủ
kia, tuyệt-nhiên không cùng một vật, thế
có khác gì muốn lấy bốn vó con ngựa kỵ,
chấp vào đầu cổ con trâu, rồi thúc con
trâu chạy xa nghìn dặm chẳng khi nào
được đã đành, mà việc cày bừa ruộng
đất cũng phải hỏng lấy vì đó là khác!»

Cải luận-diện như đồng đình chém sắt
ấy càng thấy rõ Nghiêm-Phục nhất quyết
là Trung-quốc phải hoàn-toàn Tây-hóa,
thì mới thoát nạn nguy vọng mà trở nên
một nước phú-cường chọi với thiên-hạ.

○

Nhưng với một quốc-gia dân-lộc sau
lưng có năm nghìn năm lịch-sử lâu dài,
văn-hóa rất cổ, như là nước Tàu, bây giờ
định Tây-hóa cả trăm phần trăm, thì nên
ra tay thực-hành thế nào cho được kết-
quả? Họ Nghiêm có nghĩ đến phương-
pháp làm sao không, hay chỉ bàn nói cái
nguyên-lý gọi là, thế thôi?

Có, nhà học-vấn ấy lập chỉ làm thầy
lương-y chữa bệnh cho tổ-quốc, một khi
đã bắt mạch tìm ra căn bệnh, cố-nhiên
phải kê phương thuốc nữa.

Trở lên, ta đã biết Nghiêm-Phục bày tỏ
những chỗ thua kém của văn-hóa Trung-
quốc sánh với văn-hóa Tây-phương; bây
giờ ta nghe ông chỉ về phương-pháp hoàn-
toàn Tây-hóa thế nào?

Ông bảo cốt nhất phải lo mở mang dân-
lực, dân-trí và dân-đức trước hết; vì như
muốn xây một tòa lâu-đài rộng lớn nguy-
nga, công-phu đầu tiên là đổ nền đắp móng

cho vững chắc vậy. Nếu sức dân đã kiệt,
trí dân đã thấp, đức dân đã bạc, mà không
lo tài bồi ba điều căn-bản ấy trước, thì
đâu cho có thuật phú-cường cũng chẳng
làm được.

Phàm là cuộc biến-đổi phép tắc một
nước, muốn được kết-quả thành-công,
cốt phải nâng cao dân-lực, dân-trí và dân-
đức làm gốc. Bởi thế, ông nói:

— «Gọi là mưu cuộc phú-cường, rút lại
là nói, không có gì khác hơn là làm lợi
cho dân.

«Nhưng chính-trị muốn lợi dân, tất
phải bắt đầu từ dân, bắt cứ hạng người
nào, đều biết tự mình làm lợi cho mình
trước. Mà dân đều biết tự mình làm lợi
cho mình, lại phải bắt đầu từ chỗ ai nấy
đều được tự do. Muốn để cho dân đều có
quyền tự-do, trước hết ai nấy phải biết
cách tự-trị lấy mình đã. Dân có thể tự-trị
lấy mình mà hướng tự-do, đều bởi sức
bộ, trí họ và đức họ khá lắm mới được.

«Cho nên chính-sách phú-cường ngày
nay, cốt ở ba việc này làm gốc: một là
mạnh sức dân, hai là mở trí dân, ba là
mở đức dân.

Oi! làm thân một nước yếu đuối ở giữa
bộn hùng-cường, chính-trị thì thổ sủa
sang, đã đành có chỗ gốc ngọn, hoãn cấp,
phải nên tùy cơ mà làm trước hay làm
sau; duy đến ba việc cốt yếu kể trên, bao
giờ cũng cần để ý ra tay trước nhất. Ba
việc ấy thật có lấn tới mở mang, thì nước
mới được phú-cường thịnh-trị, vì nó chính
là nền tảng phú-cường thịnh-trị của một
nước vậy.»

Rồi ta sẽ xem quy-mô của Nghiêm-Phục
định xếp đặt thế nào để đưa tổ-quốc mình
ra thoát vòng suy yếu, lên cõi phú-cường.

(còn tiếp)

BÀO TRINH NHẤT

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP NƠI

VUA CỐT-MIN
VÀ CHIẾN-CỰ

Alfred Nobel
2:20 1CUỐN

CUA DUONG-V-MAN
C.I.P.I.C

72 WIELE HANOI

Hắn đại tạ. Tao với chuột
hàng nghìn năm nay...
Cái cảnh ngộ - nghìn xưa,
khẽm Hiền phải bật cười. Và
tuy biết rằng cảnh là Lộc bia,
Hiền cũng chạy đến cầu truyền
lắm. Nhưng nó bẻ:

Chuột uống rượu lắm sao
được? Vội lại rượu này, máy
cũng không nuốt được...

Rượu thì thì mới cay chứ
lại! Rượu chuột khác: rượu
của chuột uống ngọt lừ; rượu
là một ông ấy mà... Mặt ông ở
rừng nhiều lắm. Ở chỗ nào,
những con chuột rừng biết tất.
Chuột chủa sai bốn con chuột
rừng đi lấy:

Thế lấy chén đầu mà uống?
Thiên già với lại cũng
không cần phải có chén... Chén
lắm bằng vỏ trứng. Những cái
vỏ trứng người ta đập vào
bánh xèo vắt vào đồng gio,
hơn chuột nhà đi khoan về
hết...

Thế thì bản hồ xừ đi ấy!
Ai bảo bản? Chuột nó ăn
sạch bằng mười người ấy. Chúng
nó lấy để lại đất sạch rồi mới
đem ra. May chỗ thấy nh nh khi
quần áo của người vẫn bị chuột
cắn nát đấy ư? Chuột, nó cắn
lấy để về lạp chén đấy.

Thế sao hôm nay máy
không lên tổ chuột mà ăn?

Máy lên thăm hồ đời đi ấy!
Hôm nay bà tao đi vắng, tao
phải coi nhà. Lúc này, chuột
chưa vừa đến mặt tao. Nhưng
tao bảo: tao bận, không đi
được. (Nó sai mấy anh chuột
nhai khùng khùng bên tai nó
đằm lạp sục. Tao ăn chán. Còn

một ít, tao để lại, đôi mày với
Tiền đây, chúng mình ăn chung.
Còn Tiền đây, sao mày không
rủ nó?

Tiền nó ồm. Chẳng có đưa
nào chơi với tao, tao buồn
quá!

Thôi! nó ồm thì mặc nó!
Tao với mày ăn đi. Nào, mời
báo...

Vâng, mời bác xơi...

Hai đứa rón rón như mấy bà
sang trọng ăn cỗ thật. Nhưng
Lộc để vờ khiến Hiền chơi
nhớ đến Tiền đang ốm. Nó ngủ
ràng: gá có Tiền ở đây cũng
an cổ thì vui lắm. Nó hơi buồn
một chút. Lộc bắt gặp nó từ
mặt ra, ngửi ngửi...

Kìa xơi đi bác! sao bác
lắm khách thế?

Hiền ngập ngừng một chút,
rồi báo nó:

Tôi đi rồi, bác ạ. Chỗ này
ta để lại, tôi lấy phần về cho
bác Tiền.

Ừ, phải đấy. Để tôi gọi
lại. Bác bảo: của tôi gửi tiền
bác Tiền đấy nhé. Rồi báo gửi
bác ấy knoi, tôi báo chuột chủa
mời bác với bác Tiền lên tổ
chơi, uống rượu mặt ông, rồi
đi xem làng chuột.

Vâng ạ. Nhưng bác phải
báo chuột chủa hóa phép cho
chuột tôi để lại đấy nhé.

Được ạ. Rồi tôi báo nó
sai hai anh chuột thật khỏe
làm ngựa cho hai bác cưỡi mà
lên tổ.

Ồ! nó thì thích quá!
Thôi, tôi chào bác ạ...

Vâng, chào bác. Mời bác
chicken đến chơi.

Hiền ra cửa, nhưng lại với
thui vào. Nó rút cổ lại, lễ lễ
ra, nhìn Lộc. Lộc hất hàm, hỏi
nhỏ:

Ài đấy, hơ?

Mẹ tao.

Mẹ mày đã trông thấy mày
chưa?

Hiền lắc đầu. Lộc lại hỏi:

Mẹ mày đi đâu thế?

Vào nhà bác cai Minh.

Lộc loan hỏi nữa nhưng Hiền
xua tay báo nó im. Hiền lảng
tai nghe. Bởi vì nó vừa thấy
tiếng mẹ nó nói cười với
nhà bên cạnh. Nó không chán
đề được cho. Ờm, lại chỗ ờ
ông nhóm. Nhưng Lộc báo:
Họ bị mất rồi, còn chó
đấy!

Ngay lúc ấy, tiếng ồm ồm của
bác cai Minh làm Hiền tái mặt
đi:

Gõm! là chị tôi hôm nay
đẹp khiếp! Cho...

Cần nói đấy. Chắc nó bị một
cứ thế gì của mẹ Hiền chém
cụt. Hiền tưởng nghe thấy tiếng
mẹ cần - nhảm khê. Rồi hai
người thì thảo vờ nhau.

Nhận thấy mặt Hiền đổi sắc,
Lộc hỏi:

Gi thế, hơ?

Không. Yên mày đi.

Lòng Hiền rồi loạn lên. Nó
có vẻ như lo sợ, nhưng chẳng
biết lo sợ cái gì. Lòng như
một tai nạn gì sắp xảy ra...
Bỗng mẹ Hiền cười rộ lên
mồm tiếng. Chưa bao giờ nó
nghe thấy mẹ cười như vậy.

Nó có cảm giác như tiếng cười
ấy đập mạnh vào tim nó: tim
nó nhảy vọt lên, rồi thui
xuống, rồi xôn xao. Nó ngờ-
ngạc như người hoảng hốt. Nó
cuống quýt, nhìn trước, nhìn
sau. Chẳng khác gì con thú bị
vây, có tim một lối để chạy ra.
Lộc ngạc nhiên:

Mẹ mày đánh mày ả?

Không!

Thế sao?

Không!... tao đi về...

Tiếng nó nghe ngào, như
hít tác lại, rồi bị hơi thở hên-
hên dấy ra. Rồi nó vùng chạy
trốn. Lộc chạy theo, nhưng
không dám gọi tên...

Này!.. này!..

Ừ...

Gọi lại...

Ừ, để đấy.

Gọi lại của con Tiền...

Ừ, khoan đấy!.. tao đi về...

Q

Về đến nhà, ngồi một lúc,
Hiền bình tĩnh lại hơn. Lòng
nó quang ra. Những ý nghĩ
dần dần rõ rệt. Nó thấy
vô lý quá. Phải, mẹ nó vào nhà
bác cai Minh, việc ấy có gì là
lắm đâu? Bác cai Minh với
mẹ nó cùng làm một sở. Hình
như lại chính bà đã xin việc
cho mẹ nó: bà hai Mạn nhờ
bác giúp. Hai người ở cùng
hôm với nhau. Đã mấy lần,
Hiền thấy họ cười đi hoặc
cùng về, bác cai Minh đi
trước, mẹ nó đi sau, hai người
nói chuyện. Có hôm, bác cai
đến chơi nhà bà hai Mạn, lúc
về lại qua vào nhà nó; và
hồi kỳ này làm đêm hay làm
ngày? ông sắp tay để chịu
chẳng? lờ gác công có vợ vật
khảm người lúc ở nhà máy ra
về, để chọc ghẹo không? Bác
lại báo: nó làm vừa chứ làm
lắm thì cứ mắng tát vào mặt
nó cho nó biết, đừng thấy cái
gậy của nó to mà sợ; tới thời
lên trình chủ, rồi làm thì làm,
chẳng làm thì lách; cái thân
mình là trọng; để những ngon

tay to như quả chuối, chạm
đến người mình: hi hục chột,
thì đi ăn mày còn hơn... Hôm
ấy, nghe bác nói, Hiền tức tở
cạnh của làm. Hiền ước mình
thật khỏe, để hễ ai bắt nạt mẹ
Hiền thì Hiền choang cho một
mê. (Bởi thế Hiền chỉ thích đi
học với Hiền thấy Lộc báo:
những người cơ... không ai
đánh nổi; họ có thể tiến lần
tay qua cây gỗ, làm cho cây
gỗ chẻ ra làm hai mảnh; lực-
lượng như thiên thần cầm nháy
giờ... họ chỉ tổng cho một
quả chuối cho học màu tươi
ra mà chết...)

Một hôm khác, bác cai Minh
đến rủ mẹ Hiền sáng hôm sau
đi xem hội đèn Mọc-xê, phường
mẹ Hiền nói: bận, không đi
được. Lần ấy, bác cai Minh
đang ăn kẹo; còn một chiếc,
bác đưa cho Hiền. Bác hỏi
Hiền có muốn đi học, bác gửi
mẹ người anh em bạn mới
trở lại cho; bác nhận là không
tên...

Như thế, nghĩa là mẹ Hiền
với bác, hai người quen nhau
lắm. Bác vội đến chơi nhà
nó. Vây thì mẹ nó đến chơi
nhà bác cũng là thường,
chứ sao? Hiền có nhà mình
như thế. Nhưng vẫn có một cái
gì cái lại... Tiếng cười đã đập
vào tim nó... Giọng lời là của
bác cai... Và nó vật nghĩ đến
có Viên, một hôm xưa... Cái
chảnh nó đã nhìn trên thấy,
qua cái số ông nhòm của
Lộc!.. Ôi chào! mặt Hiền rừ
rụt nóng. Nó như người thẹn.

Nó muốn đóng cửa, để không
ai nhìn thấy nó, để nó không
nhìn thấy mẹ nó ở nhà bác cai
Minh về...

Ồ! sao lại thế? Hiền bần-
khôn như bị phạm một tội gì
đối với mẹ Hiền sợ trông thấy
mẹ. Nếu mẹ nó và bác ở ở thì
chắc nó không dám nhả mẹ,
nó phải tránh cái nhủ của mẹ
và cả hai cùng ngượng ngùng...
Nó nhìn về phía nhà bác cai
Minh. Nó rần rần. Rồi đột
nhiên quá quyết, nó rảo bước
bước ra phía ngõ. Gần đến
nhà bác cai Minh, nó ngừng
lại, nhia ỷ lại. Không có ai
ngoài nhà. Nó cúi người xuống
thấp, chạy vọt qua Ra đến
ngõ ngang, nó nghe hân người,
Nó đi thẳng đến chỗ mọi khi
Cầm hay ngồi...

(còn nữa)

NAM-CAO

Sách mới

T.B.C.N. vừa nhận được:

— TRẠI NƯỚC NAM LAM GI?
(in lại thứ 14) của HOÀNG-
ĐẠO THỦY do nhà THỜI ĐẠI
xuất bản, dày 139 trang, giá
2p.50.

— LỊCH-SỬ BẢO-CHÍ HOÀN-
CẦU của T.C. VĂN HOE do
QUỐC-HOC THƯ-XÃ xuất
bản giá 2p.

Xin có lời cảm ơn nhà tặng
sách và giới thiệu với bạn đọc.

Tạp-chí Hạnh Phúc đổi mới

Chúng tôi được tin tạp-chí
Hạnh Phúc, bắt đầu từ 1er
Juillet, sẽ đổi mới ra một
thứ khác 2 số, chuyên khảo về
văn-học, tư-tưởng và nghệ-
thuật.

T.B.C.N. xin kính chúc quý
đồng-nghệ được mọi sự
thành công.

HỘP THƯ

Ô. Toàn-Anh - Xin gửi thư
cho Đ.Đ. của...

Ô. V. X. Tự - Sơ đăng C. T.

X. V. N.

BẢN CHẤP ĐƯƠNG CUỐN SÁCH MỚI DƯỚI BÓNG CỜ SON

Lịch sử tiến thuyết của HẢI DẰNG. Một sử liệu quý giá cho tất cả những dân đất nước muốn ăn lại một công nghiệp
canh lợi của nước nhà.

Một cuốn sách in rất công phu. Khởi công từ Thu 1942 đến mùa Đông 1943. Trình bày và in là hết sức mỹ thuật
đến nay mới hoàn thành. Nó sách có giá. Trên 540 trang.

SẮP PHÁT-HÀNH BƯỞNG VÊ của Ngô ngọc KHA, bản thường 3654, bản hiếm 5p00.

ĐOÀ BẦY THÂN TRƯ của Vũ và L. G. GIÁ 4p00.

BÔNG Á DƯƠNG của LÊ MINH. G 2p50. và 4 cuốn sách mới trong TỦ SÁCH NUI-ĐÔNG

NHÀ IN Á-CHAU XUẤT BẢN 17 EMILE NOLLY HANOI TEL. 1260

(tiếp theo trang 10)

Lại mấy chục năm về trước, dưới đời Trần-Thất-Hoàn, thái-tử Nguyễn-Trần-nam-vương-Thất-Hoàn đốc suất các tướng đem 300.000 quân bái lạy xin xâm lấn nước ta đến bị quân nhà Trần dưới quyền chỉ huy của Hưng-dạo-Vương Quốc-Trần đánh bại, phải triệt bại rồi rút quân về Tần. Quân ta hồi đó theo trong sự hợp, khi các vương đem quân các trấn về họp ở Vạn-Kiếp để nghe mệnh-lệnh của Hưng-dạo-Vương lấy cả chỉ có 20 vạn (200.000) nhưng vì vào tới đồng-lũng, quân dân mọi địa đều mới đại phá được. Nguyễn quấy một cách về vãng như thế.

Lại cách đây hơn 1.000 năm, năm 938, Ngô-vương-Quyên, vị vua độc lập nhất nước ta, người mở đường cho các triều đại sau này, đã phá hàng vạn chiến thuyền của cha con Lưu hân-Pháo trên sông Bạch-Đằng, ghi vào sử sách vẻ công anh liệt đầu tiên của nước Việt-Nam ta.

Về sau này, Lê-Lợi và Nguyễn-Hạ cùng theo gương người trước đem đội quân hùng dũng của nước ta mà chống với quân Tàu hai lần đại thắng làm vẻ vang cho nòi giống Việt-Nam ở cõi Đông-Á này.

**Các cơ quan phòng-thủ
của người Nam hồi xưa**

Nội đến quân-dội, ta không thể nào quên
 không nhắc đến các co-quan phòng thủ.
 Người Nam ta ngày từ hàng ngàn năm về
 trước, đời Ngô-tiên-Chủ, đời Trần, đời Hồ
 mới biết xây thành, đào lũy để phòng ngừa
 quân địch. Các vua-nguyên, Trần-nung,
 Đạo-thông các giữ ở sông Bạch-đằng, Hồ-bán
 Đường đắp thành Đa-bang, Đông các giữ ở
 sông Bạch-thành để ngăn quân Minh, đóđều
 là những co-quan phòng thủ của ta xưa.
 Trong các co-quan phòng-thủ của người
 Nam mình xây được lên về lịch-thế kỷ 17 có
 một vài co-quan đáng cho ta chú ý rất
 có giá trị về quân sự. Các co-quan đó là lũy
 Trường-dục và lũy Nhật-lộ, trường-lũy hay
 là lũy thầy ở Quảng-bình gần Đông-hội
 ngày nay, Hai bể Mỹ-nhân gần Đông-kiên
 của Đạo-dyn Từ-lâm-quan Nj-ta ta triển
 của Nguyễn ở Nam-hà, lịch-thế kỷ 18 cho đến
 thập đê công cho đến nay xây đắp hai cái

lấy đó để ngăn quân Bắc của chúa Trịnh. Theo địa lý của nhà A. de Rhodes thì ở ngay bên-giờ hai xứ Bắc và Nam-bà có một cửa bể gọi là cửa Sài, các chiến-thuyền của Trịnh muốn tiến vào đất chúa Nguyễn thì ít phải vào cửa bể đó. Cửa sông Đồng-núi (Nhật-lệ) và các miếu lân-cận đến là những vùng-diềm và quân-sau của quân Nguyễn phải phòng giữ và quân Trịnh muốn chiếm lấy. Chua Nguyễn chỉ chú ý đến các yếu-diểm và không lo lắng quân địch có thể đánh áp ở cửa sông Quảng-trị hoặc sông Huân các nơi đó ở vào giữa xứ Nam-bà như lòng mà chiếm được, lại ở xa xứ Bắc nên khó lòng mà chỗ được nhiều quân lính đến đánh. Nếu thủy-bình cửa Trịnh có chiếm được một địa-diềm nào thì bộ-binh bị ngăn lại ở biển-giờ cũng không thể hợp lực được ở thủy-nhập. Chính vì các nguyên nhân trên này mà chúa Sãi-vương đã cho xây hai bức lũy Trường-dục và Đồng-hới ở ngay cửa sông Nhật-lệ. Theo hai bia ở Candi (Đồng-hới) (Lang pont) của nhà Cadiê đã trích dịch trong bài *Le mur de Đồng-hới* đăng trong tập kỷ yếu của trường Viễn đông-bac-ô (1906) thì vào năm Canh-ngô (1630) tức là năm thứ 17 đời Chúa Sãi, miếu hiệu là H'ien kiến-vào hoàng-đế vào mùa xuân, quan Nội-tam-Đạo-vai Từ-tên lên nhà vua nên sai dân phu và quân lính trong hai tỉnh đắp lũy Trường-dục ở trên ngọn núi Trường-dục đến cồn cát ở trong Hạc-nai. Dân-phái lợi dụng tình thế đất-đai để xây một bức lũy kiến-cổ. Nhà vua bèn chuẩn bị tấn và cho kéo công ngay.

Lại quan Nội-Tam-Vi (1631) tức năm thứ 18 đời Sãi-vương vào mùa thu, tháng 8.Đạo-vai Từ sau khi xem xét địa-thế tận nơi đã dâng bản-tả xin đắp thêm lũy. Đồng-hới thì sông Nhật-lệ đến núi Đầm lầy. Về phía Bắc sông Nhật-lệ chảy dọc một đồng-lầy khá rộng, cần phải lợi dụng địa thế để xây hai bức lũy và xây hai vị trí Nam-mục chi, này khác để ngăn-quân-Trịnh. Lũy này còn dùng hàng rào lũy Trường-dục gặp-một lần. Nhà vua chuẩn-tả và sai Đốc-mục Từ-rồng coi việc đắp lũy đó. Lũy Nhật-lệ cao tới trường 5 thước tức là độ 6 thước tây, phía ngoài thì dùng toàn cỏ để làm phía

trong lũy thì đắp đất thành 5 bậc để voi ngựa có thể đi lại được. Lũy dài ít cả độ 3 000 trượng nghĩa là hơn 30 lý. Đó là nơi hiểm trở nhất giữa hai xứ Bắc và Nam.

Bề dài: lũy Nhật-lê rừn tính theo 3.000
trường thì chi độ 12 cây số, nên tính theo
30 lý thì lại 27 cây số ngắn. Theo địa
đư chỉ đoi Minh Mạng thì lũy dài 5.000
trường tức 20 cây số nhưng nếu đo kỹ thì
chỉ độ 12 cây số. Lũy Nhật-lê cách lũy
Trường-dục độ 10 cây số về phía Bắc.

Hiện nay, di tích về lũy Trường được nhắc đến. Lũy này từ rúi chủa Non, đến Rào đả là một công nhành của công Nhậ-lệ cho đến khi gặp gờng sông Nhậ-lệ rồi lại chạy đòng gờng Nhậ-lệ đến các làng Quãng-xã, Trường-duc, Cồ-nhĩ.Đến đây, lũy này quay về phía đông đến tận Bình thôn. Phía đông lũy là một đồng lầy rộng và những đồi cát ở bãi biển. Lũy dài độ 10 cây số, có chỗ cao 3 thước tây, rộng 6 thước tây ở phía chân lũy. Trong lũy có dinh là chỗ các quan võ và quân lính giữ lũy được. Lũy này chỉ xây được không đầy 2 tháng đã xong. Còn lũy Nhậ-lệ cho có cù lên là Chinh lũy hay Bình bắc trượng thành công xây có mấy tháng hoàn thành.Núi Đâu-mán là gẫy núi ngang phát - sinh từ Hoàn-sơn, tiếp nối này lại có hai gẫy đồi như hai cang của (cặp) lũy một vùng đồng bằng hình bán nguyệt: cứ đến mùa đông thì đầy nước và không qua lại được nhất là cho một quân đội. Hiện nay thành Đông-bô xây vào giữa đường kinh nổi lên 2 đản, lũy

Đến năm 1602, sau một cuộc xung đột với quân Trịnh, hai ông Hữu Dật và Hữu Tiến lại lần lần Hiền-vương xin đắp lũy Trấn Ninh ở tả bìa sông Nhật-lệ để ngăn chặn Trịnh do đường đò bắt lại và lũy Sơn-phù ở hữu gần sông Nhật-lệ ở chỗ gọi là Đồng cát, Cả bốn bức lũy này lập thành một cơ quan phòng thủ kiên cố rất hợp với địa thế miền Đông-bớ là miền tự thế kỷ 17 đến nay đã xảy ra biết bao cuộc chiến tranh giữa quân Trịnh, quân Nguyễn và quân Tây-nam.

Lũy Nhật-lệ có người Pháp đã so với Vạn-lý trường thành ở Tàu vì cách kiến trúc hơi giống nhau duy lũy Nhật-lệ ngắn và thấp hơn lại không đẹp bằng nhưng kể về công dụng thì lại có ích hơn nhiều.

HỒNG-LAM

NHÀ XUẤT BẢN : BACH-VIỆT

In những sách giả tạo nọ đều
hiện một nghệ - thuật hèn - bạc

ĐÃ CÓ BÁN

**XOM GIENG
NGAY XU'A**

của TÔ HOÀI

— Một mối tình cay đắng của một thiếu
riên nghèo ngắc.

— Một câu truyện tâm sự náo nùng, đau thương vô ngần của một thời trẻ tuổi bơ vơ.

— Những hàng chữ tâm huyết gửi cho bạn trẻ của bốn phương đất nước.

Sách in cực đen trên khổ giấy 18 x 24
Bản thường 2p50.

Bản đặc biệt : giấy Đại-lu 10p. Giấy đồ
lụa 15p.

Chuyện Hà - nội

của YŨ NGOC PHAN

Mnôn biết kỹ càng mướn mặt của chính
Hanoi kinh kỳ hãy đọc chuyện Hà - Nội
Mỗi cuốn giá 2\$20 bản quý 15\$)

DUONG IN :

NHÀ QUÊ

tiền thuyết dài đầu tiên của Ngọc Giao

NHỮNG NGÀY 'TBO' ẤU

ký ức của Nguyễn HỒNG

XÓM AO SEN

tiền thuyết của TÔ HOÀI

HƯƠNG KHÔI

hình, thuyết của Mạnh phủ TU

Thư và mandat xin đề cho:

* M PHÙNG VĂN HỢP

40, Rue du Cuivre — Hanoi

ĐÃ CÓ HẠN:

NHÀ BÈN KIA

của ĐỖ ĐỐC (H) - G 4 6 60

Thần thế và văn-chương

TỬ - MÔ

do LÊ THANH VIỆT - G 11 6p60

EM LÀ CÁI ĐÈN SONG CỬA

do LƯU TRONG LƯU - G 11 1p50

VIỆT- Ữ GIẢI-THOẠI

của ĐÀO TRINH NHẤT - G 11 2p 9

Kiểu - cứu về

TIẾNG VIỆT-NAM

của LÊ NGÂN - G 11 2p50

BƯỚC ĐƯƠNG MỚI

của ĐƯƠNG NGÃ - G 11 3p00

KIM-TỰ-THÁP

của P. AN QUANG ĐỆNH - G 11 2p00

NỬA ĐÊM

của NAM CAO - G 4 2p00

NH? XUẤT-BẢN L. Q. LƯC - M. 9 TA QU HA OI



Tả sách

TÂN-VĂN-HÓA

HÀN-THUYỀN

xuất bản

25-5-44 sẽ có bán:

XÃ-HỘI

Việt-Nam

LƯƠNG-ĐỐC-THIỆP biên khảo

Nguồn gốc xã-hội Việt-Nam lịch-sử tiến hóa của dân Việt-Nam. Giải-thích các kiến-trúc kinh-tế, chính-trị văn-hóa của xã-hội Việt-Nam. Con đường phát-triển hiện-thời của xã-hội Việt-Nam.

XUẤT-BẢN

PHÊ BÌNH VĂN-CHƯƠNG RUYỆN KIỆU

của NGUYỄN BÁCH KHOA

HÀN-THUYỀN, 71 Tiền Tsin Hanoi

Nhìn qua văn-chương Tàu

Thăm, mỗi người đều lập thành văn-phái, chuyên tâm trên 20 năm nay --, và được hải lòng có một người môn-đệ xuất sắc: Tào-Ngẫu viết vở kiệt-tác nhan-đề: *Lôi-vũ*, đã được dịch ra Anh-văn -- Kịch nói về các vấn-đề, các sự và lộn của kẻ nghèo, kết-cấu và dàn cảnh rất khéo, đến lần nào cũng đạt nịch người xem. Vở kịch *Thu hải-đường* (!) thịnh hành nhất ngày nay, nhưng về văn-phẩm thì kém cỏi, nó là vở «sà-lách» vừa tuồng cổ vừa tân-kịch.

Sách nhi-đồng

Trước kia, nhà văn Tàu làm gì có nghĩ đến viết sách cho trẻ-em! Từ ngày dân-quốc thành lập, thì sách nhi-đồng thực là phần-thịnh, mà những nhà-văn-đầu-nhất-lưu như Lỗ Tấn, Chu tác Nhân cũng vui lòng viết thư văn ấy. Cốt truyện phần-nhiều viết có ý khuyến-thiện, nhưng chẳng có đã-đồng tời tôn-giáo. Số ít có tính cách truyền-bá tri-thức, còn đa-số đều là những truyện bịa-đặt, có vị «keo ngọt» cả, nào là thần-viên, nào là ca hát, đoan-kịch, truyện lịch-sử... Trong khoảng 10 năm, sản-xuất tất-cả 82 cuốn -- Có Lâm Lan đã chiếm bực nhất về công việc sách nhi-đồng thuật những truyện «Tấm Cám Tàu» phổ-thông trong dân-gian, ở miệng ông g a hì cả kẻ lại -- Ông Lê Cẩm Huy là tác giả nhiều cuốn sách hát và kịch bản cho trẻ em.

Văn bạch-thoại đại-thắng

Cứ theo như bản thống-kê của *Sinh hoạt thư điếm* thì trừ những sách trẻ em ra, tất cả văn phẩm viết bằng văn bạch-thoại tính đến năm 1915. là:

Thơ mới	173
Kịch bản	74
Văn luận thuyết	239
Tiền thuyết	637

Cộng 1153

ba-mươi năm gần đây

Tôi đã nói qua về văn-chương Tàu kể từ hồi cách mệnh văn mới. Tôi ghi công những vị tiên phong đã dày công phấn-đấu, hi-sinh mới đạp đổ nền chuyên-chế của cổ-văn. Tôi đã ghi các thang bậc mà văn bạch-thoại đã phải bước lên, ở cùng được ngang hàng với văn-dân thế-giới. Văn bạch-thoại lại còn có công mở mắt cho dân Tàu biết về trào-lưu văn-chương ngoại-quốc, trước thì qua những sách dịch, sau mới đến sách viết ra.

Cái hạng văn-nhà cổ đã bị chôn chắt dưới đất vàng, giờ chỉ còn những sách viết bằng văn mới --, vì tất-cả những nhà văn hiện-đại đều là hàng thanh-niên đã hấp-thụ cái văn-hóa ngoại-quốc -- Văn-chương Tàu lại được tốt màu thêm lên, không có một nhà văn Trung-Quốc nào mà không biết một thứ tiếng ngoài, như Pháp, Anh, Đức, Nga, Nhật v. v..

Văn bạch-thoại mà viết khéo thì đọc thấy ly-thù nhiều. Chớ như cái văn Tàu «âu hóa» nó ngô-nghe, vụng-vợ, thường tối-nghe, vì nó bị dịch thẳng ở nguyên-tác ra -- Đọc văn dịch mà như vậy thì chẳng thà đọc nguyên-văn còn hơn -- Mong dần-dần những cái tật đó sẽ chữa được.

Chiến-tranh đương liên-miên, thế-giới đảo lộn mà văn-chương đương bị tê-liệt. Không ta nên nhớ rằng, sau mỗi kỳ chiến-tranh lại sản-xuất nhiều tác phẩm kiệt tác, thì ta lại mong nhiều hi vọng đối với tương-lai. Nhà Đường oanh-liệt về võ-nghiệp đã tạo nên Đỗ Phủ và Bạch cư Di, thì giờ ta lại chờ-mong cái thứ được đọc văn Đỗ, Bạch ngày nay, một khi chiến tranh hạ màn. Lỗ Tấn đã mất nhưng tinh-anh con sông trong tâm-niên hiện-đại, mà muốn cho văn mới được sống, thì phải nuôi nó cho đầy đủ như phải nuôi lứa bằng củi bằng dầu, gỗ hầu mới tỏa ra ánh sáng lộng-lẫy.

TRÚC-ĐÌNH thuật

SÁCH GIÁ TRỊ:

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

THƠ

TRÈ THƠ

TỰ CƯỜNG

TAPZAN, người khi

HỖ ĐÓN:

TỪ CUỘC CHIẾN-TRANH 1914-1918

ĐẾN CUỘC CHIẾN-TRANH 1940-1941

của MINH-NGHĨA

THƯ CHO MỘT THANH NIÊN ĐỒNG THỜI

của Nguyễn đức CHÍNH

BA MƯƠI TUỔI

của Nguyễn xuân HUY

Nhà xuất bản **NGƯỜI BỐN PHƯƠNG**

Giám-độc: L. Đ. xuân Giảng

6, PHỐ ĐƯƠNG-HÀNH, HÀNOI. TEL. 212

THU-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

MỚI XUẤT-BẢN:

LỤC VĂN TIỀN

QUYỀN NHẤT

bản dịch của Dương quảng HẠM
Pháp-văn và Việt-văn đối-chiến,
kèm tranh ảnh của MẠNH-QUYỀN

Sách dày 250 trang -- khổ 17x23	
bản thường.	4p09
cước	6p60
bản giấy láng.	10p00
cước	1p20

Tổng phát hành: MAI LINH

21, RUE DES PIPES -- HANOI

